TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hà Tiên thế kỷ 18: Vùng đất lý tưởng của Phật tử người Hoa ở An Nam

ISSN: 2734-9195 11:04 09/07/2026

Nhìn lại dòng chảy lịch sử phương Nam, nhà nghiên cứu Hoa kiều Đới Khả Lai - 戴可來 - đã dành những lời tán dương trân trọng đối với hệ thống chính sách chấn hưng văn hiến mà Cư sĩ Mạc Thiên Tích từng thực thi trên đất Hà Tiên.

Mục lục bài viết

I. Hà Tiên nơi cõi An Nam: Miền đất hội tụ giữa biển trời phương Nam

II. Khai lập chủ quyền - 立國

III. Quân sự - 軍事

IV. Kiến thiết - 建設

V. Văn trị và Văn hiến - 文治與文獻

VI. Góc nhìn của người Pháp - 法國人觀感

VII. Thế giới lý tưởng của Phật tử người Hoa - 華人佛子理想國

VIII. Sắc phong Mạc Thiên Tứ năm 1822

IX. Bài cổ thi nơi miếu Mạc Công và tiếng vọng trăm năm của Hà Tiên

I. Hà Tiên nơi cõi An Nam: Miền đất hội tụ giữa biển trời phương Nam

Hà Tiên tọa lạc nơi miền hạ lưu sông Mê Kông, ở vùng cực Nam của đất nước, nguyên là địa bàn từng thuộc phạm vi ảnh hưởng của Cao Miên. Với vị trí nằm giữa Xiêm La ở phía Tây và cương vực Đàng Trong dưới quyền các chúa Nguyễn ở phía Đông, Hà Tiên từ rất sớm đã giữ vai trò như một vùng bàn đạp chiến lược, nơi giao thoa giữa nhiều thế lực chính trị, quân sự và thương mại của phía Nam bán đảo Đông Dương.

Không gian ấy vừa là biên giới, vừa là cửa ngõ. Vừa là nơi phòng thủ, vừa là nơi mở ra biển lớn.

Hà Tiên không chỉ là một địa danh địa lý, mà còn là một điểm gặp gỡ của thời cuộc: nơi Chân Lạp, Xiêm La, Đàng Trong và các tuyến hải thương quốc tế cùng để lại dấu ấn trong tiến trình lịch sử mở cõi phương Nam.

Khoảng thế kỷ XVII–XVIII, giữa lúc Thanh triều đang bước vào thời kỳ thịnh trị tại Trung Hoa, còn trên đất Việt cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn vẫn kéo dài, vùng đất Hà Tiên bắt đầu hiện lên trong nhận thức của giới hàng hải phương Tây và thương nhân hải ngoại Viễn Đông như một "*Cảng khẩu quốc*" - 海港国.

Từ một miền biên viễn còn nhiều hoang vu, Hà Tiên nhanh chóng chuyển mình thành một thương cảng cửa ngõ, giữ vai trò như đầu mối trung chuyển quan trọng trên hải lộ giao thương nối liền Đông Á, Ấn Độ và châu Âu. Những cánh buồm từ phương Bắc xuôi xuống, những thuyền buôn từ vịnh Xiêm ghé vào, những dòng hàng hóa, tin tức và con người từ nhiều phương tụ hội nơi đây, từng bước làm nên diện mạo phồn thịnh của một cảng thị phương Nam.

Công cuộc khai sơn phá thạch và kiến thiết Cảng khẩu quốc ấy được khởi xướng bởi một thủ lĩnh lưu dân người Hoa. Hệ thống quan lại, lực lượng binh chính cùng tầng lớp lữ thương nòng cốt tại bản địa, về cơ bản, đều mang đậm dấu ấn Hoa phong. Trong buổi đầu dựng đất, chính cộng đồng di dân ấy đã góp phần quan trọng vào việc khai khẩn ruộng vườn, mở mang phố chợ, tổ chức thương mại, dựng lập trật tự xã hội và đặt nền móng cho đời sống văn hóa nơi vùng biên hải.

Thứ dân nơi đây vẫn bảo lưu nhiều tập tục y phục thời Minh, sử dụng ngôn ngữ và văn tự Hán như phương tiện giao tiếp, ghi chép và truyền bá tri thức. Cùng với đó, các học đường Nho giáo được thiết lập để truyền dạy quy phạm lễ nghĩa, đạo lý thánh hiền và tinh thần văn hiến của cố quốc.

Nhưng Hà Tiên không chỉ có thương mại, Nho học và Phật học. Nơi đây còn có niềm tin tâm linh. Có những ngôi chùa được dựng lên giữa núi biển. Có tiếng chuông chùa ngân vọng trên miền đất mới. Có những Phật tử người Hoa, những lưu dân Việt, những thương nhân hải hồ và những bậc sĩ phu cùng tìm thấy nơi cửa biển phương Nam một chốn an cư, lập nghiệp và gửi gắm đời sống tinh thần.

Chính nền tảng văn hóa quy củ, kết hợp với tinh thần bao dung của một thương cảng mở, đã thu hút đông đảo văn nhân mặc khách từ miền Nam Trung Hoa tìm đến. Có người vì thời cuộc mà rời bỏ quê hương. Có người trên bước đường du

lịch, buôn bán hay giao du mà ghé chân. Họ gặp nhau nơi Hà Tiên, cùng lập hội xướng họa, trước tác thi văn, thúc đẩy hoạt động khắc bản, ấn hành và lưu truyền những tập tuyển văn chương.

Từng bước, giữa miền biên viễn xa xôi, một đời sống văn học phong phú được hình thành. Đó là một điều rất đặc biệt. Bởi trên vùng đất mới ấy, con người không chỉ lo dựng nhà, mở chợ, đóng thuyền, khai ruộng. Họ còn làm thơ. Dựng trường. Lập chùa. Giữ lễ. Nuôi dưỡng đạo tâm.

Từ trong gian khó của buổi đầu mở cõi, họ đã kiến tạo nên một không gian sống có trật tự, có văn chương, có tín ngưỡng và có lý tưởng nhân văn.

Bấy giờ, mặc dù Thanh triều tại chính quốc đang ở vào giai đoạn hưng thịnh, uy thế vang dội khắp bốn phương, cộng đồng Hoa dân tại vùng trấn cương Hà Tiên vẫn kiên định gìn giữ y quan cố quốc. Họ không dễ dàng hòa tan vào trật tự mới của Mãn Thanh, mà tiếp tục bảo lưu quy cách mũ mão và phẩm phục thời Đại Minh như một biểu tượng của lòng hoài niệm cố quốc, khí tiết di thần và bản sắc văn hóa của cộng đồng lưu dân xa xứ.

Chính trong sự giao hòa ấy - giữa hoài niệm cố quốc và khát vọng lập nghiệp nơi đất mới, giữa thương mại và đạo pháp, giữa Nho phong và Phật tâm, giữa biển cả và núi non - Hà Tiên thế kỷ XVIII đã hiện lên như một miền đất lý tưởng của Phật tử người Hoa nơi cõi An Nam.

Một vùng đất nhỏ bên bờ Đông vịnh Xiêm. Nhưng mang trong mình giấc mộng lớn của những con người đi tìm nơi an thân lập mệnh.

Một thương cảng phương Nam. Nhưng cũng là một miền văn hiến.

Một chốn biên thùy. Nhưng đã trở thành nơi khởi đầu cho một chương sử mở cõi đầy nhân văn, mềm mại và sâu lắng trong lịch sử đất nước.



Khu di tích Lăng Mạc Cửu Hà Tiên được nhiều tín đồ du lịch ghé thăm khi đến thăm Kiên Giang cũ, nay là tỉnh An Giang.
Ảnh sưu tầm.

II. Khai lập chủ quyền -立國

Mạc Cửu và buổi đầu dựng đất Hà Tiên

Thủy tổ khai sáng Cảng Khẩu quốc Hà Tiên là Cư sĩ Mạc Cửu - chữ Hán chép là 鄚玖 hoặc 莫玖 - sinh ăm Ất Mùi (1655), từ giã trần gian về cõi Phật năm Ất Mão (1735). Thư tịch cổ ghi rằng nguyên danh của ông là Thiệu Nguyên, vốn là người thôn Đông Lĩnh, trấn Bạch Sa, phủ Lôi Châu, thuộc huyện Hải Khang xưa.

Năm Khang Hy thứ mười chín, tức khoảng năm Canh Thân (1680), giữa lúc cục diện Trung Hoa vừa trải qua cuộc thay triều đổi đại Minh -Thanh, Cư sĩ Mạc Cửu vì "*bất phục tân chính Đại Thanh*" -不服大清初政 - không thuận phục chính quyền mới của nhà Thanh, lại không cam chịu cảnh nhiễu nhương trong buổi biến động, đã thống lĩnh hơn ngàn thuộc chúng theo đường hải lộ xuôi về phương Nam, đến phủ Nam Vang thuộc Chân Lạp, tức Campuchia ngày nay.

Quốc vương Chân Lạp bấy giờ là Nặc Ông Thu - Ang Chee, 1656-1725 - nhận thấy Cư sĩ Mạc Cửu là người có tài thao lược, giỏi quy tụ dân chúng và am hiểu thương vụ, bèn ra sức chiêu nạp, ban cho tước Ốc nha, một chức quan tương đương Phủ doãn hoặc Trấn thủ tại bản địa, đồng thời giao phó trọng trách quản lý thương mại.

Thời kỳ ấy, giữa vương triều Chân Lạp và chính quyền chúa Nguyễn ở xứ Quảng Nam thường xuyên xảy ra can qua. Phủ Nam Vang lại nằm quá gần vùng ảnh hưởng quân sự của thế lực họ Nguyễn, khiến Mạc Cửu sớm nhận ra rằng nơi đây

khó có thể trở thành căn cứ lâu dài cho cộng đồng lưu dân mà ông đang dẫn dắt.

Từ nhận định ấy, ông quyết định rời bỏ Nam Vang, dời xuống vùng Mang Khảm, tức địa bàn Hà Tiên ngày nay, nằm ven vịnh Xiêm La, để chiêu tập lưu dân, khẩn hoang lập ấp và từng bước dựng nên một cơ nghiệp mới nơi miền biên hải.

Tương truyền, trong lúc lâm vào cảnh ngặt nghèo, Cư sĩ Mạc Cửu đêm nằm mộng thấy linh tích từ cố thổ chỉ dẫn đến xứ này để dựng nghiệp, do đó mới đặt địa danh là Hà Tiên. Địa bàn ấy ngày nay là một đô thị biên thùy trọng yếu nơi cực Tây Nam của đất nước. Tuy nhiên, theo Gia Định thành thông chí - Cương vực chí - Hà Tiên trấn - 嘉定城通志·疆域志·河仙鎮 - sở dĩ có danh xưng Hà Tiên là vì vùng Mang Khảm *"tương truyền thường có tiên nhân xuất hiện trên sông, nhân đó mà đặt tên là Hà Tiên*".



Hà Tiên thế kỷ 18: Vùng đất lý tưởng của Phật tử người Hoa ở An Nam
https://www.tapchinghiencuuphathoc.vn/ha-tien-the-ky-18-vung-dat-ly-tuong-cua-phat-tu-nguoi-hoa-o-an-nam.html

Ảnh tác giả cung cấp

Từ đó, Cư sĩ Mạc Cửu lập tổng sở và cư lưu lâu dài tại xứ Mang Khảm. Đây chính là tiền thân của trấn Hà Tiên về sau.

Trong buổi đầu kiến lập, quyền lực tại địa bàn này vận hành theo một thể chế khá đặc biệt, có thể gọi là mô hình lưỡng đầu chính trị. Theo đó, Mạc Cửu toàn quyền thống quản cộng đồng Hoa dân và Việt dân; còn thứ dân Cao Miên bản địa vẫn do một thủ lĩnh sắc tộc Khmer cai trị, mang tước hiệu Ốc nha Phiên, phiên tự Hán - Việt là Liệt Tạ Sái Thái. Trong tiếng Khmer, tước hiệu này là □□□□□□□□□□□□□□□ , phiên âm là Okna Reachea Setthi, một phong tước của triều đình Chân Lạp xưa. Vị thủ lĩnh này đóng đồn dinh tại phủ Bàn Tuyền Mật, tức Banteay Meas.

Định chế lưỡng đầu ấy phản ánh tính chất phức hợp của Hà Tiên trong buổi đầu hình thành: vừa là vùng đất thuộc không gian ảnh hưởng của Chân Lạp, vừa là nơi cộng đồng lưu dân Hoa - Việt từng bước gây dựng trật tự xã hội, thương mại và phòng thủ riêng dưới sự điều phối của họ Mạc.

Thể chế này được duy trì liên tục cho đến khi quân Xiêm La phát binh xâm lược Hà Tiên vào năm Tân Mão (1771) mới chính thức cáo chung.

Căn cứ theo những cứ liệu trong Gia Định thành thông chí do sử gia Trịnh Hoài Đức triều Nguyễn biên soạn, thời điểm Mạc Cửu thực hiện cuộc di dịch đến đất Hà Tiên có thể được xác định trong khoảng từ năm Tân Mão (1771).

Sau khi định cư tại Mang Khảm, Cư sĩ Mạc Cửu bắt tay kiến thiết Hà Tiên thành một thương cảng cửa ngõ. Ông ra sức chấn hưng giao thương, mở mang phố chợ, chiêu tập thương nhân, củng cố dân cư và từng bước biến một vùng đất biên viễn còn thưa vắng thành một đầu mối mậu dịch quan trọng trên vùng vịnh Xiêm.

Xét về địa cuộc, Hà Tiên tọa lạc tại vùng hạ lưu bồn địa sông Mê Kông, nguyên thuộc cương vực ảnh hưởng của Cao Miên, lại giữ thế liên hoàn tiếp giáp với Xiêm La cùng bờ cõi thuộc quyền quản hạt của chúa Nguyễn xứ Đàng Trong. Chính thế tuyến chiến lược ấy đã biến Hà Tiên thành một yếu địa giao thoa giữa các lực lượng cát cứ phía Nam bán đảo Đông Dương.

Nơi đây không chỉ là cửa biển. Không chỉ là vùng biên. Mà còn là điểm hội tụ của thương mại, di dân, tín ngưỡng và quyền lực.

Cư sĩ Mạc Cửu vốn là người có tài thao lược trong việc chiêu tập lưu dân và quy tụ nhân sĩ. Dưới sự tổ chức của ông, nhiều đoàn lưu dân người Việt được đưa

đến khẩn hoang, lập nghiệp tại các vùng phụ cận như Phú Quốc, Lũng Kỳ, Cần Bột, Vũng Thơm, Rạch Giá và Cà Mau. Những địa danh ấy ngày nay tương ứng với các vùng Phú Quốc, Kep, Kampot, Ream thuộc Preah Sihanouk, Rạch Giá và Cà Mau.

Tại các địa bàn này, Cư sĩ Mạc Cửu cho thiết lập hệ thống Thất thôn xã, tức bảy vùng làng xã, tạo điều kiện cho lưu dân an cư lạc nghiệp, khai phá ruộng vườn, mở mang phố chợ và dựng lập cộng đồng. Chính từ những bước đi ấy, cương vực quản hạt của Hà Tiên từng bước được mở rộng, không chỉ bằng sức mạnh quân sự, mà còn bằng khả năng tổ chức dân cư, phát triển kinh tế và kiến tạo đời sống xã hội nơi vùng đất mới.

Nhìn từ tiến trình mở cõi phương Nam, công nghiệp của Cư sĩ Mạc Cửu vì thế mang ý nghĩa rất đặc biệt. Ông không chỉ là một thủ lĩnh lưu dân người Hoa đi tìm nơi nương náu sau cơn biến động Minh - Thanh. Ông còn là một nhà tổ chức cộng đồng, một người khai mở thương cảng, một vị cư sĩ biết lấy lòng dân làm gốc, lấy giao thương làm phương tiện nuôi dân, lấy trật tự văn hóa làm nền tảng an cư, và lấy vùng biên hải Hà Tiên làm nơi dựng nghiệp lâu dài.

Trong bóng dáng của Cư sĩ Mạc Cửu, ta thấy hiện lên hình ảnh một lớp người đặc biệt của thời đại: những Phật tử người Hoa ly hương, rời cố quốc vì thời cuộc, nhưng không buông bỏ đạo tâm, văn hóa và chí hướng lập thân. Họ mang theo ký ức cố hương, mang theo nếp sống Hoa phong, mang theo tinh thần cần lao, tín ngưỡng và thương mại biển, để rồi trên vùng đất An Nam phương Nam, cùng lưu dân Việt và cư dân bản địa khai dựng nên một miền đất mới.

Hà Tiên vì thế không chỉ được hình thành bằng địa lợi. Hà Tiên được dựng nên bằng con người. Bằng những bàn tay khẩn hoang. Bằng những chuyến thuyền vượt biển. Bằng những phiên chợ đầu tiên bên cửa nước. Bằng tiếng chuông chùa giữa núi non. Bằng khát vọng an cư của những người tha hương.

Và bằng tầm nhìn của một vị cư sĩ phật tử thuần thành đã biết biến miền biên viễn thành nơi hội tụ, biến đất hoang thành làng xã, biến cửa biển thành thương cảng, biến cõi tạm nương thân thành một vùng đất mang dáng dấp của quê hương.

Từ Cư sĩ Mạc Cửu, Hà Tiên bắt đầu bước vào lịch sử. Một lịch sử vừa mang sắc thái mở cõi của đất nước, vừa thấm đẫm tâm thức lưu dân, đạo pháp và văn hiến của cộng đồng Phật tử người Hoa nơi cõi An Nam thế kỷ XVIII.



Ảnh tác giả cung cấp

III. Quân sự - 軍事

Từ lũy tre biên trấn đến ý thức tự cường của Hà Tiên

Theo ghi chép trong Gia Định thành thông chí, hệ thống phòng thủ buổi đầu của trấn Hà Tiên vốn còn khá thô sơ. Thành lũy khi ấy chủ yếu chỉ gồm một dải lũy tre bao quanh bờ cõi, kết hợp với một vài tòa vọng lâu được dựng lên để quan sát động tĩnh từ xa. Đó là kiểu phòng vệ thích hợp với một vùng đất mới khai mở, nơi dân cư còn thưa, binh lực chưa mạnh, và chính quyền bản trấn vẫn đang trong quá trình định hình.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của thương mại biển, Cư sĩ Mạc Cửu sớm nhận ra rằng Hà Tiên không thể chỉ dựa vào lũy tre và vọng gác để tồn tại lâu dài. Một thương cảng nằm giữa Chân Lạp, Xiêm La và Đàng Trong, lại giữ vị trí cửa ngõ trên vùng vịnh Xiêm, tất yếu phải đối diện với nguy cơ xâm lấn, cướp phá và tranh đoạt từ nhiều phía.

Theo ký sự của Pierre Poivre - 1719-1786 - nhà thực vật học kiêm quản lý thuộc địa người Pháp từng du hành đến xứ Đàng Trong vào thế kỷ XVIII, Cư sĩ Mạc Cửu từ khá sớm đã có ý thức tiếp thu kỹ nghệ phòng thủ phương Tây và tìm cách vận dụng vào thực tế bản xứ.

Pierre Poivre ghi nhận rằng thủ lĩnh họ Mạc từng lữ hành qua Philippines và Batavia - tên gọi cũ của Jakarta dưới thời thuộc địa Hà Lan - để quan sát và học hỏi từ người Âu châu những phương sách trị quốc, tự cường và tự vệ. Không lâu sau đó, nhờ nguồn lợi thương mại dồi dào từ thương cảng Hà Tiên, ông đã cho khởi công xây đắp đồn lũy kiên cố, khơi đào hào thành sâu rộng và trang bị súng pháo đại bác nhằm tăng cường năng lực phòng thủ.

Nhận xét ấy cho thấy Hà Tiên dưới thời Cư sĩ Mạc Cửu không chỉ là một vùng đất khai khẩn theo lối truyền thống, mà còn là một không gian mở, nơi những kinh nghiệm quân sự, thương mại và kỹ thuật từ nhiều phương được tiếp nhận, chọn lọc và bản địa hóa. Trong tầm nhìn của Cư sĩ Mạc Cửu, thương cảng muốn phồn thịnh thì phải có binh lực để giữ yên; dân cư muốn an nghiệp thì phải có thành lũy để nương tựa; còn vùng đất mới muốn tồn tại giữa những thế lực lớn thì không thể thiếu ý thức tự cường.

Song song với việc củng cố phòng thủ, Cư sĩ Mạc Cửu tiếp tục phát huy sở trường chiêu tập lưu dân, quy tụ nhân sĩ và mở rộng địa bàn cư trú. Ông đưa các đoàn lưu dân người Việt đến khẩn hoang, lập nghiệp tại những vùng phụ cận như Phú Quốc, Lũng Kỳ, Cần Bột, Vũng Thơm, Rạch Giá và Cà Mau. Tại các địa bàn ấy, ông cho thiết lập hệ thống Thất thôn xã, tức bảy vùng làng xã, tạo điều kiện cho lưu dân an cư lạc nghiệp, khai phá ruộng đất, mở chợ, dựng nhà và hình thành cộng đồng cư trú ổn định.

Chính mạng lưới làng xã này đã tạo nên chiều sâu chiến lược cho Hà Tiên. Đó không chỉ là sự mở rộng về đất đai, mà còn là sự mở rộng về dân cư, nguồn lực, lương thực và khả năng phòng vệ. Một trấn cảng muốn đứng vững không thể chỉ có thành lũy ở trung tâm, mà còn cần những làng xã bao quanh, những tuyến đường thủy bộ liên kết, những cộng đồng dân cư có khả năng vừa sản xuất, vừa hỗ trợ phòng thủ khi hữu sự.

Tuy nhiên, cục diện khu vực lúc bấy giờ hết sức bất ổn. Trong thời gian Mạc Cửu trị lý Hà Tiên, vương quốc Chân Lạp từng phải hứng chịu những cuộc tấn công dữ dội từ quân Xiêm La. Theo Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả - 河仙鎮協鎮鄚氏家譜 - trong một chiến dịch lớn, Quốc vương Chân Lạp vừa nghe tin cấp báo đã vội đem quyến thuộc rời bỏ kinh thành; quân Xiêm tiến vào, bắt người, cướp tài vật rồi rút về, khiến triều đình Chân Lạp rơi vào tình trạng tan rã và suy yếu nghiêm trọng.

Riêng về phần Mạc Cửu, gia phả chép rằng: "*Tướng Xiêm thấy Thái công hùng nghị, oai dũng thì rất mực mến mộ, bấy giờ mới ra sức vỗ về, dụ công về nước. Thái công trong thế bất khả kháng, đành phải theo quân Xiêm Bắc tiến. Xiêm vương nhìn thấy dung mạo của công thì đại hỷ, liền lưu ông ở lại.*"

Lời chép ấy mang sắc thái trang trọng của gia phả, đồng thời thể hiện dụng ý tôn kính đối với vị thủy tổ họ Mạc. Tuy nhiên, nếu đọc bằng nhãn quan sử học, có thể nhận thấy tác phẩm đã vận dụng lối "*Xuân Thu bút pháp*", theo nguyên tắc "*vi tôn giả húy*", tức tránh nói thẳng những điều bất lợi cho bậc được tôn kính. Đằng sau cách diễn đạt mềm hóa ấy, thực tế lịch sử nhiều khả năng là Mạc Cửu từng bị quân Xiêm La bắt làm tù binh và an trí tại Vạn Tuế Sơn.

Trong thời gian Cư sĩ Mạc Cửu vắng mặt, Hà Tiên từng bị lực lượng của Trần Thượng Xuyên -1655-1725 chiếm giữ. Ông phải chờ đến khi Xiêm La xảy ra nội loạn mới tìm cơ hội thoát thân, trở về Lũng Kỳ, rồi sau đó mới quy hồi bản trấn.

Sử thư chữ Hán Đại Nam liệt truyện tiền biên - 大南列傳前編 - cũng ghi nhận rằng, dưới thời Mạc Cửu trị lý, Hà Tiên từng hai lần bị ngoại bang xâm lấn.

Lần thứ nhất diễn ra vào năm Kỷ Mùi, tức năm 1679. Khi ấy, Mạc Cửu bị bắt làm tù binh và giải sang Xiêm La. Về sau, thừa lúc nước này xảy ra nội loạn, ông mới tìm đường thoát về Lũng Kỳ.

Lần thứ hai xảy ra vào mùa xuân năm Ất Mùi, tức năm 1715, dưới thời Quốc chúa Bồ Tát tại gia Minh Vương Nguyễn Phúc Chu - 1675–1725. Khi ấy, hoàng tử Cao Miên Nặc Thâm - Ang Ton - dẫn quân Xiêm La tiến đánh và cướp phá Hà Tiên. Do thế lực yếu hơn, Mạc Cửu bại trận, buộc phải lánh binh và dời trị sở về Lũng Kỳ; quân địch sau đó cũng rút lui.

Hai lần biến động ấy là những thử thách sinh tử đối với cơ nghiệp họ Mạc. Chúng cho thấy Hà Tiên tuy có vị trí thương mại thuận lợi, nhưng cũng chính vì vị trí ấy mà thường xuyên trở thành mục tiêu nhòm ngó của các thế lực chung quanh. Một vùng đất nằm giữa Xiêm La, Chân Lạp và Đàng Trong không thể mãi dựa vào sự bảo hộ lỏng lẻo của Chân Lạp, nhất là khi triều đình Chân Lạp

ngày càng suy yếu, nội bộ phân tranh, binh lực bạc nhược và không đủ khả năng che chở cho vùng biên viễn.

Nhận thấy thế lực bảo hộ bấy lâu là vương quốc Chân Lạp ngày càng suy vi, triều đình bản địa lại lâm vào tình trạng "*bốn bề khiếp nhược*", khiến trấn Hà Tiên liên tục trở thành mục tiêu để quân Xiêm La thừa cơ xâm lấn và quấy nhiễu, Mạc Cửu dần nhận rõ rằng muốn bảo toàn cơ nghiệp, ông phải tìm kiếm một chỗ dựa quân sự và chính trị vững chắc hơn.

Trước cục diện ấy, ông quyết định xoay chuyển trục bang giao, hướng về chính quyền các chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong, dâng biểu xưng thần và xin quy thuộc cương vực.

Đây là một quyết định có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử Hà Tiên.

Từ một thủ lĩnh lưu dân nương mình dưới bóng Chân Lạp, Mạc Cửu từng bước đưa Hà Tiên gắn vào tiến trình mở cõi của Đàng Trong. Từ một thương cảng tự trị nơi biên hải, Hà Tiên bắt đầu tìm được điểm tựa trong trật tự chính trị của chúa Nguyễn. Và từ một vùng đất luôn bị đe dọa bởi các thế lực Xiêm - Chân Lạp, Hà Tiên dần trở thành một tiền trấn quan trọng nơi cực Tây Nam của cõi An Nam.

Nhìn sâu hơn, quyết định ấy không chỉ xuất phát từ nhu cầu phòng vệ quân sự. Nó còn phản ánh tầm nhìn chính trị của Cư sĩ Mạc Cửu: muốn cho dân yên, đất vững, thương cảng phồn thịnh và đạo tâm được nuôi dưỡng lâu dài, Hà Tiên cần một thế đứng chính danh trong một trật tự lớn hơn.

Bởi vậy, trong lịch sử mở cõi phương Nam, sự quy thuộc của Cư sĩ Mạc Cửu về với chúa Nguyễn không chỉ là một hành động ngoại giao.

Đó là sự lựa chọn sinh tồn của một vùng đất. Là bước chuyển từ lưu dân sang thần dân.

Từ thương cảng biên viễn sang trấn thành của cõi An Nam. Từ một cơ nghiệp riêng của họ Mạc sang một phần máu thịt trong tiến trình mở đất phương Nam của dân tộc Việt Nam.

Và cũng từ đây, Hà Tiên bắt đầu mang một dáng vóc mới: vừa là thương cảng, vừa là tiền đồn; vừa là nơi hội tụ văn hóa Hoa - Việt - Khmer, vừa là cột mốc biên hải trong hành trình Nam tiến; vừa là miền đất của thương mại và Phật tâm, vừa là vùng trấn thủ nơi đầu sóng ngọn gió của đất nước.

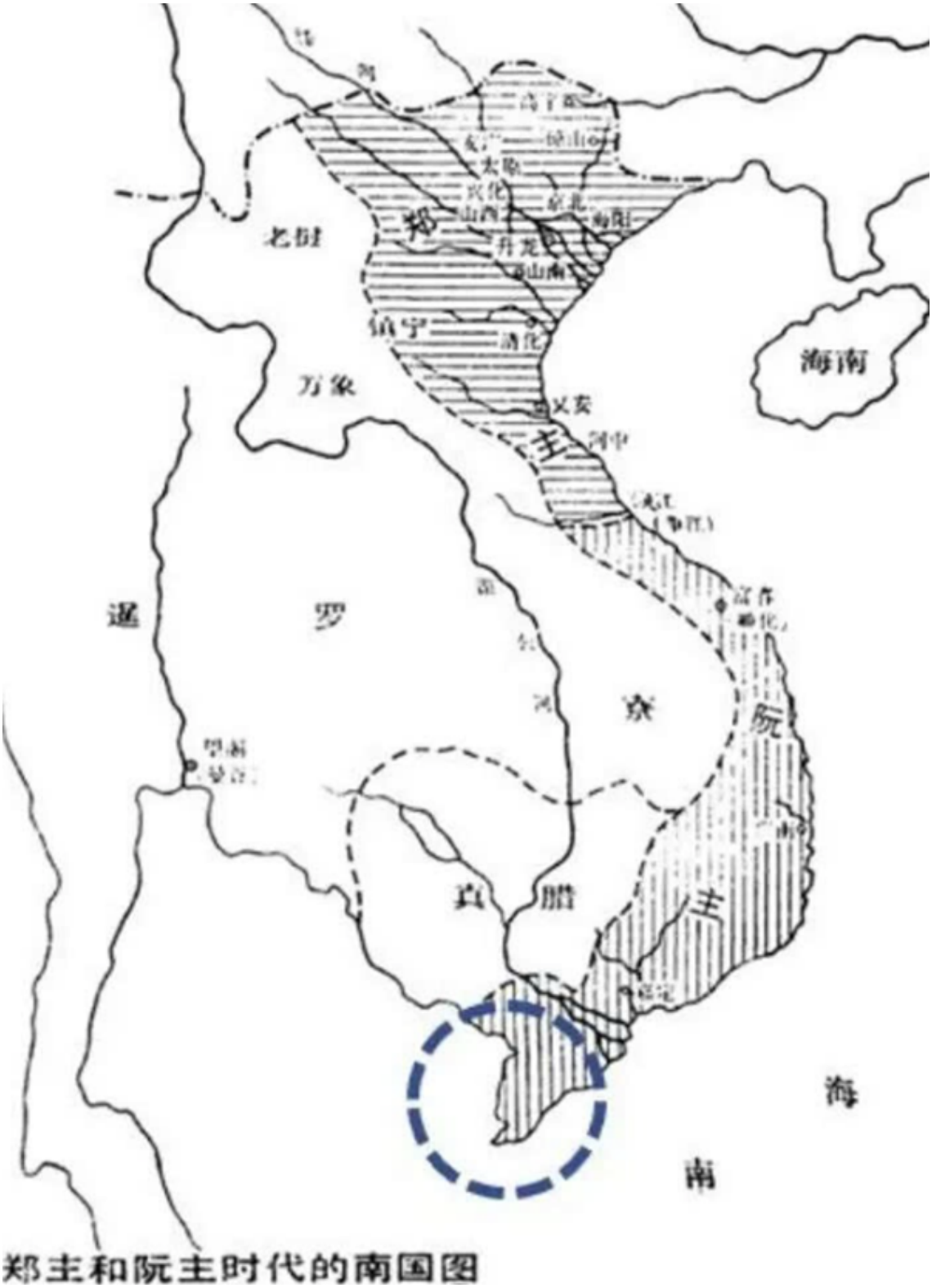

郑主和阮主时代的南国图

Ảnh tác giả cung cấp

IV. Kiến thiết - 建設

Từ quy phụ **chúa Nguyễn** đến nền trị lý khoan dân của họ Mạc

Không lâu sau khi Cư sĩ Mạc Cửu quy hồi bản trấn và tiếp tục công cuộc kinh doanh, kiến thiết Hà Tiên, nhà mưu sĩ họ Tô đã đưa ra một lời khuyên có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh lâu dài của vùng đất này.

Theo nhận định của vị mưu sĩ ấy, triều đình Chân Lạp bấy giờ thế lực đã suy, nội chính lại nhiều biến động, khó có thể trở thành chỗ dựa bền vững cho Hà Tiên. Chi bằng nên xuôi về phương Nam, quy thuận Đại Việt, khấu quan xưng thần với chính quyền chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong, lấy đó làm nơi cắm rễ lâu dài. Một khi bản trấn xảy ra biến cố, tất có thể cậy nhờ vào sự viện trợ khẩn cấp của họ Nguyễn.

Nói cách khác, đây chính là một sách lược chính trị sáng suốt: chủ động quy phục chính quyền chúa Nguyễn để đổi lấy sự bảo hộ vững chắc về quân sự, đồng thời đặt Hà Tiên vào một trật tự cương vực rộng lớn và ổn định hơn.

Cư sĩ Mạc Cửu tiếp thu sâu sắc kế sách ấy.

Theo Gia Định thành thông chí - Cương vực chí - Hà Tiên trấn - 嘉定城通志·疆域志·河仙鎮 - vào tháng Tám âm lịch năm Mậu Tý, tức năm 1708, Mạc Cửu thân hành ra đô thành Phú Xuân, triều kiến Quốc chúa Bồ tát Minh vương Nguyễn Phúc Chu. Chúa Nguyễn lập tức chuẩn thuận, sắc phong ông làm Hà Tiên trấn Tổng binh Cửu Ngọc hầu.

Từ đây, Hà Tiên chính thức bước vào bản đồ chính trị của Đàng Trong.

Sau khi nhận được sự thừa nhận về danh nghĩa từ chính quyền chúa Nguyễn, **Cư sĩ Mạc Cửu** trở về trấn sở, tiếp tục điều hành và thực thi quyền trị lý trên thực tế tại vùng đất Hà Tiên. Trên danh nghĩa, ông là bề tôi của chúa Nguyễn; nhưng trong thực tế nội trị, họ Mạc vẫn nắm giữ quyền điều hành khá rộng rãi đối với hành chính, kinh tế, quân sự và đời sống xã hội tại bản trấn.

Mặc dù Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả ghi rằng phải đến năm Giáp Ngọ, tức năm 1714, trấn Hà Tiên mới chính thức quy thuộc chính quyền chúa Nguyễn xứ Quảng Nam, nhưng đối chiếu với Gia Định thành thông chí và tiến trình sắc phong của chúa Nguyễn, niên đại 1708 vẫn thường được xem là mốc quy phụ quan trọng và có cơ sở hơn.

Từ sau sự kiện ấy, trong suốt một thời kỳ dài, cho đến trước khi phong trào Tây Sơn phát binh tiêu diệt chính quyền chúa Nguyễn và làm lay chuyển thế lực họ Mạc tại Hà Tiên, dòng tộc này vẫn kiên định giữ đạo xưng thần đối với xứ Đàng Trong.

Thể chế của Hà Tiên vì thế mang một sắc thái đặc biệt.

Trên danh nghĩa, Hà Tiên thuộc về cương vực Đại Việt. Nhưng trong thực tế, họ Mạc vẫn bảo lưu gần như toàn bộ quyền tự chủ tại bản địa.

Chính mô hình bán tự trị ấy đã giúp Hà Tiên vừa có được thế chính danh trong trật tự chúa Nguyễn, vừa duy trì được sự linh hoạt cần thiết của một thương cảng biên hải. Thể chế đặc thù này tiếp tục được duy trì bền vững cho đến những năm đầu thế kỷ XIX, đồng thời tạo điều kiện để Mạc thị gia tộc can dự sâu vào đại cục nội chính và bang giao giữa Cao Miên, Việt Nam và Xiêm La.

Nhờ vậy, Hà Tiên từng bước vươn lên thành một thế lực địa chính trị trọng yếu, đủ sức tác động đến cục diện biến động của khu vực đương thời.

Chính vì lẽ đó, trong suốt một thời kỳ dài, mặc dù trấn Hà Tiên luôn bị các thế lực lân bang cường thịnh chung quanh dòm ngó, nhưng dưới sự trị lý của Cư sĩ Mạc Cửu, bản địa vẫn duy trì được cảnh phồn vinh, xã tắc tương đối an bình.

Xét về địa cuộc, Hà Tiên vốn là dải đất duyên hải thuận lợi cho việc tụ hội giao thương, sinh ra của cải, hơn là một nơi dụng võ. Quả thật, vùng đất này đắc lợi cho việc khuếch trương thương mại, mở mang mậu dịch, đón thuyền buôn và nuôi dân bằng sự lưu thông hàng hóa. Nó không phải là chiến địa lý tưởng cho những cuộc can qua binh đao kéo dài.

Chính vì hiểu rõ bản chất ấy, Cư sĩ Mạc Cửu không chỉ chú trọng phòng thủ, mà còn đặc biệt quan tâm đến kiến thiết dân sinh.



Ảnh tác giả cung cấp

Xuất thân từ chốn bình dân nơi điền dã, ông thấu cảm sâu sắc nỗi cơ cực của giới cùng nông và những người lưu dân tha phương. Bởi vậy, các phương sách

khẩn hoang, trị điền do ông thi hành đều mang tinh thần khoan hậu. Ông vận dụng thể chế ban cấp và phân phối ruộng đất, nông cụ cho thứ dân; đồng thời không đặt nặng chế độ phu dịch cưỡng bách hay những sắc thuế quá khắt khe đối với trăm họ.

Sách lược khoan thư sức dân ấy cốt nhằm khuyến khích canh nông, ổn định sinh kế và chấn hưng nền tảng quốc kế dân sinh của bản trấn.

Cư sĩ Mạc Cửu cũng ra sức đốc thúc công cuộc khẩn hoang, phát đốn gai góc, khai phá rừng rậm, biến những vùng đất hoang vu thành ruộng đồng cấy cày. Ông cho khơi thông hệ thống kênh rạch, dẫn nguồn thủy lợi từ sông ngòi vào tưới tiêu điền địa, để mùa màng quanh năm có thể được phong đăng, bội thu.

Dưới bàn tay tổ chức ấy, Hà Tiên dần hiện lên như một miền đất mới có trật tự. Có làng xã. Có ruộng vườn. Có phố chợ. Có thương thuyền. Có trường học. Có chùa chiền. Có tiếng nói của lưu dân, thương nhân, sĩ phu và Phật tử cùng hội tụ giữa vùng biên hải.

Để gia tăng nguồn thu cho ngân khố bản trấn, Cư sĩ Mạc Cửu cũng thiết lập trường đổ bác, tức nơi đánh bạc có quản lý, quy định điều lệ thu thuế, gọi là thuế Hoa chi, rồi tiến hành trưng thu sắc thuế ấy. Đây được xem là một trong những cứ liệu sớm ghi nhận việc thiết lập và đánh thuế cờ bạc tại vùng đất Hà Tiên trong tiến trình lịch sử.

Nhìn từ quan điểm trị lý, chính sách này phản ánh sự linh hoạt của một thương cảng biên viễn: nguồn thu không chỉ đến từ ruộng đất, mà còn đến từ thương mại, dịch vụ, sinh hoạt thị dân và các hoạt động tụ hội dân cư. Hà Tiên vì vậy không đơn thuần là một trấn nông nghiệp, mà là một cảng thị đang vận hành theo nhịp sống kinh tế mở của vùng biển phương Nam.

Thuận theo lẽ vô thường của cõi nhân sinh, khi duyên trần đã mãn, công nghiệp đã thành, Cư sĩ Mạc Cửu lặng lẽ khép lại hành trình dương thế trong niềm kính tiếc vô hạn của muôn dân Hà Tiên. Ngày 17 tháng 7 năm 1735, tức ngày 27 tháng 5 Âm lịch, bậc khai trấn nguyên huân nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, từ biệt cõi hồng trần để trở về miền Phật giới thanh lương.

Tám mươi mốt năm hiện hữu giữa nhân gian là tám mươi mốt năm gắn liền với phong ba, lưu lạc, khai khẩn, dựng dân và giữ đất. Từ một người con xa xứ rời cố quận Lôi Châu, ông đã đem trí tuệ, đức độ và lòng từ bi của một vị cư sĩ để biến vùng Mang Khảm hoang sơ thành trấn Hà Tiên phồn thịnh, mở ra một miền quê hương mới nơi tận cùng **phương Nam** đất Việt.

Ngày ông ra đi, non nước Hà Tiên như lặng xuống. Dòng Giang Thành vẫn trôi, núi Bình San vẫn đứng, sóng vịnh Xiêm vẫn vỗ vào bờ cũ; nhưng bóng dáng người khai trấn đã khuất vào cõi mây lành. Từ ấy, tên tuổi Mạc Cửu không chỉ còn trong sử sách, mà còn hóa thành hương khói, thành niềm tri ân, thành ký ức thiêng liêng trong lòng hậu thế..

Liên quan đến ngày ông rời cõi tạm, Gia Định thành thông chí, phần Cương vực chí - Hà Tiên trấn, lại có ghi chép khác biệt, cho rằng ông quy tiên vào ngày 21 tháng 5, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi. Sự khác biệt ấy cho thấy sử liệu về Mạc Cửu vẫn còn cần được đối chiếu thận trọng giữa gia phả, chính sử và các nguồn địa phương chí.

Để tưởng vọng công lao khai mở và kiến thiết bờ cõi, chúa Nguyễn ở phương Nam đã truy phong Cư sĩ Mạc Cửu danh vị cao quý: Khai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân, Vũ Nghị công.

Danh vị ấy không chỉ là sự vinh phong dành cho một vị công thần nơi biên viễn. Nó còn là sự thừa nhận công nghiệp đặc biệt của một người đã biến vùng đất Mang Khảm hoang sơ thành trấn Hà Tiên phồn thịnh; biến một nơi cư trú của lưu dân thành thương cảng; biến một vùng ven biển đầy bất trắc thành tiền trấn cực Tây Nam của cõi An Nam.

Sau ngày bậc khai trấn nguyên huân Cư sĩ Mạc Cửu quy về cõi Phật, cơ nghiệp Hà Tiên không vì thế mà lặng xuống trong bóng chiều tang tóc. Từ nền móng vững bền do thân phụ dày công gây dựng, người con trai là Cư sĩ Mạc Thiên Tứ - thường được biết đến trong nhiều nguồn sử liệu với danh xưng Mạc Thiên Tích - đã chính thức bước lên kế nghiệp, gánh lấy trọng trách lớn lao nơi miền biên hải.

Đó không chỉ là sự tiếp nối quyền quản hạt của một dòng họ. Đó còn là sự trao truyền một chí nguyện mở cõi. Từ bàn tay người cha khai đất, dựng dân, mở chợ, lập làng, đến tầm vóc người con chấn hưng văn trị, chiêu hiền đãi sĩ, hộ trì Phật pháp và đưa Hà Tiên bước vào thời kỳ rực rỡ, vận mệnh của vùng đất cực Tây Nam như được nối liền bằng một mạch nguồn trung nghĩa.

Kể từ đây, Hà Tiên bước sang một trang sử mới: phồn thịnh hơn trong thương mại, sâu sắc hơn trong văn hiến, vững vàng hơn trong thế đứng chính trị, và lung linh hơn trong ánh sáng thi ca, đạo pháp giữa biển trời phương Nam.

Mối lương duyên giữa Cư sĩ Mạc Cửu và người con gái đất Việt - Cư sĩ Bùi Thị Lẫm - đã mở ra một chương mới đầy ý nghĩa trong lịch sử dòng tộc họ Mạc. Đó không chỉ là sự kết hợp của một đôi nhân duyên giữa thời loạn, mà còn là sự

giao hòa sâu xa giữa dòng máu Hoa nhân ly hương và hồn đất Việt phương Nam, nơi cơ nghiệp Hà Tiên đang từng bước thành hình giữa phong ba lịch sử.

Thuở ấy, khói lửa chiến tranh do quân Xiêm La gieo rắc khiến vùng Hà Tiên lâm vào cảnh loạn lạc. Vì vận nước chưa yên, vì cơ đồ còn trong buổi gian nan, Cư sĩ Mạc Cửu buộc phải dời gót lánh nạn đến vùng Lũng Kỳ, nay thuộc khu vực Kep của Campuchia. Chính nơi đất khách ấy, giữa những ngày tháng lưu ly và bất định, một mầm sống mới đã cất tiếng chào đời.

Vào năm Canh Thìn, tức năm 1700 - một số tài liệu ghi là năm Kỷ Mão, tức năm 1699 - người con trai Mạc Thiên Tứ ra đời. Tiếng khóc đầu tiên của ông giữa vùng đất lánh nạn như một điềm lành cho cơ nghiệp họ Mạc, báo hiệu rằng từ trong gian truân, Hà Tiên rồi sẽ có người tiếp nối chí lớn của bậc khai trấn, để đưa miền biên hải phương Nam bước vào một thời kỳ rực rỡ hơn về văn trị, thương mại, đạo pháp và thi ca.

Ngay từ thuở thiếu thời, Cư sĩ Mạc Thiên Tứ đã sớm bộc lộ cốt cách của một bậc hiền tài, thấu đạt nhân tâm và được muôn dân xứ Hà Tiên mến mộ. Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả đã trang trọng lưu lại rằng: "*Xưa công tên là Thiên Tích, từ thuở mười tám thanh xuân, phàm các việc tang tế đều hết lòng hiếu kính thành tâm, nhân dân ai nấy đều cảm mến kính trọng.*"

Nhờ cốt cách hào hiệp và lối hành xử mực thước, ông sớm được thân phụ tin cậy. Có lần, ông được giao trọng trách "*phụng biểu tiến kinh tâu trình*" - 奉表詣闕奏陳 - thân hành làm sứ giả, yết kiến vương phủ **chúa Nguyễn** ở Đàng Trong. Điều ấy cho thấy ngay từ khi còn trẻ, Mạc Thiên Tứ đã được chuẩn bị để bước vào vai trò kế thừa cơ nghiệp Hà Tiên, không chỉ trên phương diện gia tộc, mà còn trên phương diện chính trị và ngoại giao.

Nếu nhìn trên bản đồ thế lực đương thời, phạm vi ảnh hưởng của chính quyền Hà Tiên khi ấy bao trùm một vùng rộng lớn quanh bờ Đông vịnh Xiêm, nối kết Phú Quốc, Rạch Giá, Cà Mau với các địa bàn Cần Bột, Lũng Kỳ và Vũng Thơm. Giữa cục diện thời cuộc không ngừng chuyển biến, khi Chân Lạp đang trên đà suy vi, còn Xiêm La và xứ Quảng Nam ngày càng trỗi dậy mạnh mẽ, Hà Tiên từng bước định hình một quyết sách ngoại giao cốt lõi: chung vai sát cánh cùng bờ cõi Việt Nam nhằm kiềm chế ảnh hưởng Chân Lạp, đồng thời tạo dựng một bức thành lũy vững chắc để chống lại thế lực Xiêm La.

Năm Ất Mão, tức năm 1735, Cư sĩ Mạc Cửu thuận theo mệnh trời, tạ thế vì tuổi cao sức yếu. Bước sang tháng Hai âm lịch năm 1736, với tư cách người trưởng nam, Cư sĩ Mạc Thiên Tứ chính thức kế thừa cơ nghiệp lớn lao của thân phụ. Ông được chính quyền chúa Nguyễn công nhận quyền cai trị trấn Hà Tiên, đồng

thời ban phong tước hiệu cao quý Khâm sai Đô đốc Tông Đức hầu - 欽差都督琮德侯.

Từ đây, Hà Tiên bước sang một giai đoạn phát triển mới.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu là người khai sơn phá thạch, mở đất, dựng dân, dựng chợ và đặt nền móng cho cơ nghiệp Hà Tiên, thì Mạc Thiên Tứ là người kế tục, phát huy và đưa vùng đất ấy bước vào thời kỳ rực rỡ hơn về văn trị, thương mại, ngoại giao và Phật giáo.

Một người dựng nền. Một người dựng thế. Một người đưa lưu dân về lập nghiệp. Một người đưa Hà Tiên trở thành miền văn hiến.

Và trong mạch nối ấy, lịch sử Hà Tiên thế kỷ XVIII hiện lên như một hành trình đặc biệt: từ vùng đất biên viễn trở thành thương cảng; từ nơi lánh nạn của lưu dân trở thành miền quê hương mới; từ cơ nghiệp của một dòng họ người Hoa trở thành một phần máu thịt trong tiến trình mở cõi phương Nam của đất nước Việt Nam.



Ảnh tác giả cung cấp

V. Văn trị và Văn hiến - 文治與文獻

Mạc Thiên Tích và thời kỳ rực rỡ của Hà Tiên

Là kết tinh của hai dòng máu Trung - Việt, sinh trưởng ngay trên mảnh đất Hà Tiên, Cư sĩ Mạc Thiên Tứ - thường được biết đến trong nhiều nguồn sử liệu với danh xưng Mạc Thiên Tích - từ rất sớm đã mang trong mình một căn tính văn hóa đặc biệt. Ông vừa thừa hưởng nếp Hán phong của dòng họ Mạc, vừa gắn bó sâu nặng với vùng đất An Nam phương Nam, nơi cha ông đã khai mở, dựng dân và lập nghiệp.

Trên nền tảng ấy, Mạc Thiên Tích dốc lòng thúc đẩy việc truyền bá Hán phong - 漢風 - tại Hà Tiên. Sách lược văn hóa của ông không đơn thuần là mô phỏng hình thức Trung Hoa cổ điển, mà là một nỗ lực phục dựng, chọn lọc và tôn vinh những giá trị tinh túy của văn hóa Đường, Tống và Minh, từ đó tạo nên một phong cách văn trị mang tính hàn lâm, duy mỹ và thấm đượm chiều sâu triết lý phương Đông.

Dưới sự trị lý của mình, ông tích cực thi hành Văn trị như một phương sách an dân. Văn hóa, đối với Cư sĩ Mạc Thiên Tích, không chỉ là thú tao nhã của giới sĩ phu, mà còn là nền tảng để ổn định lòng người, chỉnh đốn phong tục và xây dựng bản sắc cho một vùng đất mới. Nhờ đó, tinh hoa văn hóa Trung Hoa ngày càng tỏa rạng, kết tụ thành những thành quả rực rỡ nơi miền biên thùy mở cõi.

Trước những chuyển biến phức tạp của thời cuộc, Cư sĩ Mạc Thiên Tích vẫn thủ giữ trọn vẹn di huấn của thân phụ, duy trì mối liên kết mật thiết với vương phủ chúa Nguyễn ở phương Nam và tiếp tục giữ đạo xưng thần đối với Đàng Trong. Chính sự trung thành ấy đã giúp Hà Tiên vừa bảo lưu được tính linh hoạt của một thương cảng biên hải, vừa có được chỗ đứng chính danh trong trật tự chính trị của chúa Nguyễn.

Thừa hưởng thành quả từ mối liên minh bền chặt ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích được chính quyền chúa Nguyễn ban cho một đặc quyền quan trọng: cho phép Hà Tiên mở xưởng đúc tiền riêng. Đồng An Pháp Nguyên Bảo - 安法元寶 - từ đó chính thức được khai đúc, từng bước trở thành một phương tiện lưu thông kinh tế quan trọng trong bờ cõi Đàng Trong.

Việc Hà Tiên được đúc tiền không chỉ phản ánh nhu cầu thương mại của một cảng thị phồn vinh, mà còn cho thấy vị thế đặc biệt của họ Mạc trong trật tự phương Nam. Một vùng đất mới khai mở, nhưng đã đủ sức vận hành tài chính, tổ chức thương mại và lưu thông tiền tệ, chính là dấu hiệu cho thấy Hà Tiên đã vượt xa dáng dấp của một trấn biên thông thường.

Trân quý hiền tài như báu vật, Cư sĩ Mạc Thiên Tích chủ trương rộng mở cửa đón nhận các bậc sĩ phu lưu lạc từ Trung Hoa dời gót về phương Nam. Trang sử cũ từng ca ngợi rằng, trên dải đất Hà Tiên này, ông đã "*dùng lễ vật hậu hĩnh để chiêu mời hiền tài; các bậc tuấn kiệt từ triều Thanh cho đến khắp các vùng hải ngoại, nghe tiếng tăm đều tìm đến hội tụ; nền văn giáo ở cõi Đông Nam được dấy lên chính là bắt đầu từ Mạc công vậy.*"

Khi danh sĩ bốn phương đã quy tụ về một mối, Cư sĩ Mạc Thiên Tích liền đứng ra tổ chức những hội đàn học thuật quy mô, khuyến khích việc biên soạn sách vở và tạo mọi điều kiện để các bậc văn nhân thi thố tài năng. Sử liệu ghi lại:

"Mở Chiêu Anh Các, tìm mua sách vở, ngày ngày cùng các bậc phong nho giảng luận; có tập thơ Hà Tiên thập vịnh - 詠河仙十景 - *người xướng họa đông đảo, văn phong xứ ấy bắt đầu lan tỏa nơi góc biển chân trời.*"

Từ đó, Chiêu Anh Các trở thành biểu tượng đẹp đẽ nhất của đời sống văn hiến Hà Tiên. Giữa một vùng đất biên thùy, nơi sóng biển vịnh Xiêm ngày đêm vỗ vào bờ cát, văn chương đã nở hoa. Những thi nhân, danh sĩ, cư sĩ và bậc phong lưu mặc khách cùng nhau xướng họa, ngâm vịnh cảnh sắc non nước, gửi gắm tâm tình trước quê hương mới và trước vận hội của thời đại.

Hương thơm văn mặc từ đó bay xa.

Thi tập Hà Tiên thập vịnh (河仙十詠) theo chân những chuyến thuyền buôn, lưu truyền đến tận vùng Quảng Châu phương Bắc. Nơi ấy, những áng thi văn tao nhã của đất Hà Tiên đã chinh phục giới mặc khách, tao nhân Trung Hoa, trở thành tác phẩm được trân quý và hết lời tán thưởng.

Đồng điệu với khát vọng mở mang bờ cõi của chúa Nguyễn, Cư sĩ Mạc Thiên Tích tích cực đưa tinh hoa văn hóa vào đời sống trị quốc. Trên phương diện học thuật và điển chương, ông có công chế định y phục, mũ áo, dựng lập trường học, từng bước uốn nắn phong tục và đời sống cư dân theo lề thói thanh nhã.

Sử cũ chép rằng quy chế về cung thất, hôn nhân, tang tế, cát hung đại lược đều giống với Trung Hoa; lại xây dựng tự viện Phật giáo, điện thờ Ngọc Hoàng của Đạo giáo, Văn Miếu, mở lớp Nghĩa Học, khiến người trong nước đều biết đến việc học hành, ca vịnh và lễ giáo.

Điều đáng chú ý là trong không gian văn trị ấy, Phật giáo giữ một vị trí rất sâu lắng. Những ngôi chùa được dựng lên không chỉ để làm nơi lễ bái, mà còn là chốn nương tựa tinh thần cho lưu dân trên miền đất mới. Với cộng đồng Phật tử người Hoa, Hà Tiên không chỉ là nơi buôn bán, lập nghiệp hay gây dựng gia sản; đó còn là chốn an tâm, nơi con người tìm lại sự bình yên giữa những biến động

của thời cuộc.

Chính vì vậy, văn hiến Hà Tiên không phải chỉ là văn hiến của chữ nghĩa. Đó còn là văn hiến của đạo tâm. Của tiếng chuông chùa. Của lễ nghĩa gia phong. Của lòng hiếu kính. Của tinh thần trọng học, trọng người hiền và trọng sự hòa hợp giữa các cộng đồng cư dân.

Gieo nhân lành, gặt quả ngọt, những chính sách đổi thay phong hóa của Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã mang lại hiệu quả rõ rệt trên khắp bờ cõi Hà Tiên. Sử cũ ca ngợi thời kỳ trị lý của ông bằng những lời lộng lẫy: "*Khiến cho ân đức thấm nhuần, giáo hóa lan tỏa, người người đều có đức hạnh tốt đẹp, phụ nữ giữ gìn nết na trinh thục; uy vũ phục được ngoại địch, nhân từ vỗ về được cư dân, bốn phương đều yên ổn làm ăn, không xảy ra biến cố.*"

Trong dòng chảy lịch sử phương Nam, toàn cõi Hà Tiên bấy giờ bừng sáng như một biểu tượng của cảnh thái bình và thịnh trị.

Ở đó có thương thuyền xuôi ngược. Có phố chợ phồn hoa. Có ruộng vườn khai mở. Có học đường vang tiếng sách. Có Chiêu Anh Các tỏa hương thi phú. Có tự viện Phật giáo làm nơi an trú lòng người. Và có một vị trấn chủ biết lấy văn trị để làm mềm biên cương, lấy đạo lý để nuôi dưỡng dân tâm, lấy thương mại để phát triển sinh kế, lấy lòng trung nghĩa để giữ vững thế đứng giữa cơn biến động của thời đại.

Thế nhưng, lịch sử không chỉ có những ngày yên bình.

Gặp buổi biến thiên, năm Tân Mão, tức năm 1771, cục diện Đàng Trong bắt đầu rung chuyển dữ dội. Ngọn lửa Tây Sơn bùng cháy nơi phương Nam, làm lung lay cơ đồ trăm năm của các chúa Nguyễn. Trung thành với nghĩa cũ, Mạc Thiên Tích lập tức xuất binh trợ chiến. Tiếc thay, vận nước lỡ làng, binh gầy thế cô, sức người khó thể xoay chuyển đại cuộc; ông đành ngậm ngùi dời gót phong trần, sang nương nhờ đất Xiêm.

Nào ngờ, nơi nương náu ấy lại hóa thành vũng lầy định mệnh. Quốc vương Thonburi là Taksin, tức Trịnh Chiêu - trong một số nguồn còn gọi là Trịnh Tín hoặc Trịnh Quốc Anh, 1734–1782 - vốn đã chất chứa nhiều nghi kỵ đối với họ Mạc. Trước những biến động chính trị liên tiếp, ông sinh lòng ngờ vực, cho rằng dòng họ Mạc có thể trở thành tai mắt hoặc lực lượng cấu kết với các thế lực đối nghịch. Những nghi kỵ ấy cuối cùng đã đẩy Mạc Thiên Tích và gia quyến vào một tấn bi kịch đau thương nơi đất khách.

Đứng trước cảnh con cháu cùng thuộc hạ thân tín bị cuốn vào vòng tai họa, lòng vị chủ trấn Hà Tiên như thắt lại. Nuốt hận vào lòng, uất ức vì tấm lòng son bị

nghi ngờ và vùi dập, Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã chọn con đường tuẫn tiết vào ngày 5 tháng 10 năm Canh Tý, nhằm ngày 1 tháng 11 năm 1780, để giữ vẹn khí tiết, khép lại một cuộc đời tám mươi mốt mùa xuân.

Dẫu Đô đốc Mạc Thiên Tích đã mãi mãi nằm lại nơi đất khách, di sản cùng tấm lòng trung kiên của ông vẫn được lịch sử trang trọng ghi nhận. Vương triều nhà Nguyễn, từ thuở Nguyễn Ánh còn nếm mật nằm gai cho đến các triều vua Gia Long và Minh Mạng, vẫn tiếp tục trọng dụng hậu duệ dòng họ Mạc, giao phó cho họ trọng trách trấn giữ bờ cõi Hà Tiên.

Riêng vị Đô đốc quá cố, với một đời tận tụy vì cơ nghiệp Hà Tiên và nghĩa tình son sắt đối với chúa Nguyễn, vẫn luôn nhận được sự tôn kính sâu sắc cùng niềm tiếc thương vô hạn của muôn dân nước Việt.

Dẫu thân xác đã gửi lại nơi đất khách, tên tuổi và công nghiệp của ông vẫn còn lưu dấu đậm sâu trong dòng chảy lịch sử phương Nam.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích không chỉ là người kế nghiệp Cư sĩ Mạc Cửu. Ông là người đưa Hà Tiên từ một thương cảng biên viễn trở thành một miền văn hiến.

Từ một nơi tụ hội thương nhân trở thành một không gian của thi ca, đạo pháp và lễ giáo. Từ một vùng đất mới khai mở trở thành biểu tượng cho sự hòa quyện giữa Hán phong, Việt thổ và Phật tâm.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu là người đặt nền móng cho Hà Tiên bằng khai khẩn, thương mại và tổ chức dân cư, thì Mạc Thiên Tích là người làm cho vùng đất ấy có linh hồn. Linh hồn ấy nằm trong thơ Hà Tiên thập vịnh, trong tiếng chuông chùa, trong phong thái sĩ phu, trong lòng trung nghĩa, và trong khát vọng biến một miền biên hải thành quê hương văn hiến.

Bởi vậy, khi nhắc đến Hà Tiên thế kỷ XVIII, người đời không chỉ nhớ đến một thương cảng phồn vinh.

Người ta còn nhớ đến một "*vương quốc lý tưởng*" của Phật tử người Hoa nơi cõi An Nam - nơi thương mại, văn chương, đạo pháp và lòng người từng gặp nhau, để cùng viết nên một chương sử mềm mại mà bi tráng giữa biển trời phương Nam.



Ảnh tác giả cung cấp

VI. Góc nhìn của người Pháp - 法國人觀感

Pierre Poivre và hình ảnh Hà Tiên trong mắt phương Tây thế kỷ XVIII

Xuất hiện trong dòng chảy thế kỷ XVIII, Pierre Poivre – 1719-1786 - được biết đến như một nhà thực vật học lỗi lạc, đồng thời là một nhân vật người Pháp từng gắn bó sâu sắc với các hoạt động truyền giáo, hàng hải và quản lý thuộc địa. Dấu chân hành trạng của ông không chỉ in đậm trên những nẻo đường xa xôi của Đông Á, mà còn gắn liền với những sách lược kinh tế và thuộc địa của Công ty Đông Ấn Pháp giữa vùng Ấn Độ Dương lộng gió.

Trong tác phẩm nổi tiếng xuất bản năm 1769 mang tên Chuyến du hành của một triết gia, hay Những quan sát về phong tục và nghệ thuật của các dân tộc ở châu Phi, châu Á và châu Mỹ - 哲學家的旅行或對非洲亞洲和美洲人民的風俗和藝術的觀察 - Pierre Poivre đã lưu lại những nét bút đặc biệt về "*Ponthiamas*", một vùng đất được ông định danh là thuộc địa của người Hoa tại Campuchia, nhưng thực chất chính là cõi Hà Tiên xưa.

Mang theo thế giới quan của chủ nghĩa trọng nông đương thời, tư tưởng của Pierre Poivre có nhiều điểm đồng điệu với Voltaire trong sự ngưỡng mộ và biểu dương nền văn hiến Trung Hoa. Chỉ một năm sau, vào năm 1770, tác phẩm này được chuyển ngữ sang Anh văn và xuất bản dưới nhan đề Travels of a Philosopher: or, Observations on the Manners and Arts of Various Nations in

Africa and Asia - Hành trình của một triết gia: Hoặc những ghi chép về tập quán và nghệ thuật của các quốc gia khác nhau tại Phi châu và Á châu.

Đặt chân đến dải đất phương Nam, người lữ hành Pháp đã lưu lại những dòng bút ký đầy suy ngẫm: "*Trung Hoa được người Việt Nam gọi là Đại Minh, nghĩa là Vương quốc Ánh sáng. Vào thời điểm này, dù đã là niên hiệu Càn Long của nhà Thanh, nhưng cái tên Đại Minh vẫn tiếp tục tồn tại ở thế gian*."

Những dòng chữ ấy phần nào cho thấy hoài niệm về một triều đại đã qua vẫn chưa hoàn toàn phai nhạt, dẫu bánh xe lịch sử đã chuyển sang một kỷ nguyên mới. Trong tâm thức của nhiều cộng đồng Hoa dân lưu lạc nơi phương Nam, Đại Minh không chỉ là tên gọi của một triều đại, mà còn là biểu tượng của cố quốc, của y quan cũ, của văn hiến và khí tiết di dân.

Theo ghi chép trong nguyên tác của Pierre Poivre, sau khi khép lại cuộc hành trình qua bán đảo Malacca và quần đảo Mã Lai, đoàn của ông ngược buồm hải hành về phương Bắc, rồi đặt chân đến một thương cảng nhỏ mang tên Cancar. Nơi đây chính là Ponthiamas - Hà Tiên, hay Hải Cảng quốc, Cảng Khẩu quốc - 河仙□ 海港國 - vốn đã lừng danh trên các hải lộ giao thương đương thời.

Về thế địa lý, Ponthiamas tọa lạc giữa giao điểm của ba vùng đất: Xiêm La, Cao Miên và Mã Lai. Trong cái nhìn của Pierre Poivre, Xiêm La khi ấy đang oằn mình dưới một chế độ chuyên chế khiến dân số ngày càng hao hụt; người Cao Miên chưa từng nghĩ đến việc thiết lập một định chế cai trị vững bền và hiệu quả; còn người Mã Lai, theo cách quan sát có phần mang định kiến của một người Âu châu thế kỷ XVIII, thường bị mô tả là khó lòng an phận thủ thường.

Chính những biến động nhân tai ấy, theo ông, đã đẩy một dải giang sơn vốn tươi đẹp và lộng lẫy rơi vào cảnh hoang vu, gần như không bóng người trong suốt nửa thế kỷ trước đó.

Giữa cõi hoang vu ấy, một bậc hải hành - người thuyền trưởng của một thương thuyền Trung Hoa - đã rẽ sóng tìm đến. Vị hào kiệt này, theo cách mô tả đầy ngưỡng mộ của Pierre Poivre, mang trong mình cốt cách phi thường của người phương Bắc: trí tuệ mẫn tiệp, đầu óc mưu lược và một năng lực tổ chức hiếm có.

Lòng ông không khỏi xót xa khi chứng kiến một dải đất trù phú lại ngủ quên trong hoang phế. Hiểu rằng sự giàu có của cố quốc mình vốn kết tinh từ những vùng đất phì nhiêu, trong khi thổ nhưỡng nơi đây còn màu mỡ và tốt tươi hơn cả quê hương, ông quyết không để phí phạm món quà mà tạo hóa đã trao tặng.

Một kế hoạch khai hoang, lập ấp rộng lớn từ đó được hình thành.

Ông mở rộng cửa chiêu mộ nhân công, quy tụ cả lưu dân Trung Hoa lẫn cư dân các nước láng giềng. Nhờ phong thái đĩnh đạc và uy tín cao trọng, ông giành được sự nể phục sâu sắc từ các vương công quyền thế đương thời. Những vị này tự nguyện cung cấp tài lực, đồng thời cắt cử thị vệ bảo vệ an toàn cho ông.

Chưa dừng lại ở đó, bậc hào kiệt ấy lại vượt sóng trùng dương đến Philippines và Batavia, học hỏi những kỹ nghệ tân kỳ của người Tây phương, đặc biệt là thuật xây thành và phòng thủ chiến lũy. Khi trị lý bờ cõi, ông dành sự ưu đãi rõ rệt cho cộng đồng lưu dân người Hoa, những người đã cùng ông vượt biển, khẩn hoang và kiến thiết vùng đất mới.

Nhờ nguồn tài lực dồi dào từ huyết mạch thương mại, ông nhanh chóng hoàn thành công cuộc xây thành, đắp lũy, đào hào sâu và bố trí đại pháo. Hệ thống phòng thủ vững chắc ấy đã bảo toàn bờ cõi qua một cuộc tập kích dữ dội của ngoại địch, khiến các tộc người lân cận phải dè chừng và thu bớt dã tâm.

Tuy nhiên, khi đối chiếu với sử liệu Việt Nam và gia phả họ Mạc, có thể nhận thấy ký sự phương Tây đương thời dường như đã có sự nhầm lẫn nhất định giữa công trạng của hai cha con họ Mạc. Người thực sự đặt nền móng khai lập Hà Tiên và khởi đầu công cuộc củng cố phòng thủ chính là Cư sĩ Mạc Cửu; còn người kế thừa, mở rộng và đưa Hà Tiên bước vào thời kỳ rực rỡ hơn về văn trị, ngoại giao và văn hiến là Cư sĩ Mạc Thiên Tích.

Dẫu vậy, ghi chép của Pierre Poivre vẫn có giá trị đặc biệt. Nó cho thấy trong con mắt của một trí thức Pháp thế kỷ XVIII, Hà Tiên không chỉ là một thương cảng xa lạ nơi phương Đông, mà là một mô hình khai phá đáng chú ý: một vùng đất hoang vu được hồi sinh nhờ thương mại, nông nghiệp, tự do lao động và năng lực tổ chức của một thủ lĩnh lưu dân gốc Hoa.

Để an lòng dân mở cõi, Cư sĩ Mạc Cửu chủ trương phân chia ruộng đất cho những người lao động được chiêu mộ, đồng thời cởi bỏ gánh nặng sưu thuế hà khắc và nạn cưỡng bức phu dịch.

Trong dòng chảy của thời đại, việc người nông dân còng lưng cày cấy nhưng không có quyền sở hữu đất đai, lại thường xuyên bị buộc phải đi phu dịch, vốn là một tai họa bóp nghẹt nền sản xuất nông nghiệp - một nghịch lý đi ngược lại lý trí của mọi dân tộc sáng suốt.

Trái lại, vị thủ lĩnh người Hoa nơi cõi An Nam này đã chủ động phân phát công cụ canh tác cho tất cả những ai tìm đến khai hoang, lập ấp, đồng thời dốc sức cải tạo thổ nhưỡng và khơi thông nguồn nước trên toàn vùng đất.

Trọng tự do và thấu đạt nhân tâm, Cư sĩ Mạc Cửu cho rằng muốn vun đắp một cộng đồng bách tính cần cù trong việc khẩn hoang và nhạy bén trong kinh doanh, điều cốt yếu là không nên trói buộc họ bằng những luật pháp cưỡng chế nặng nề.

Đối với ông, tạo hóa vốn đã ban tặng những quy luật sinh tồn thích hợp cho con người ở mỗi vùng khí hậu. Người trị lý khôn ngoan không nên cưỡng ép tự nhiên, cũng không nên đè nặng lên sức dân; trái lại, cần thuận theo đất, thuận theo người, thuận theo thời thế để khơi mở sinh lực của một cộng đồng.

Ông chọn cách thuận theo tự nhiên và lấy chính đời sống của mình làm tấm gương dẫn lối.

Cuộc đời ông là hiện thân của một nếp sống mộc mạc, cần lao và tiết kiệm, thấm đượm lòng nhân cùng sự thành tín. Thay vì dựng nên một hệ thống giáo điều với những luật lệ khô cứng, ông đã thực hiện một công việc lớn lao hơn: từng bước định hình và xác lập những chuẩn mực đạo đức cho cả một vùng đất.

Ở điểm này, ghi chép của Pierre Poivre vô tình chạm đến chiều sâu rất riêng của Hà Tiên.

Hà Tiên không chỉ được dựng lên bằng thương mại. Không chỉ bằng thành lũy. Không chỉ bằng ruộng đất hay thuyền buôn. Hà Tiên còn được dựng lên bằng một đạo lý trị dân mềm mại: khoan thư sức dân, khuyến khích lao động, tôn trọng sinh kế, mở cửa đón người, và để cho con người tìm thấy nơi đất mới một cơ hội an cư.

Trong mắt người Pháp, Hà Tiên hiện lên như một miền đất khác thường giữa Đông Nam Á thế kỷ XVIII: một thương cảng nhỏ nhưng giàu sức sống, một cộng đồng lưu dân nhưng có trật tự, một vùng đất mới nhưng biết khai thác tự do và cần lao để tạo nên phồn thịnh.

Còn trong mạch sử phương Nam của đất nước, Hà Tiên lại mang một ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là vùng đất nơi người ly hương tìm thấy quê hương mới. Nơi thương nhân trở thành người khai khẩn. Nơi Phật tử người Hoa dựng nên chùa chiền, phố chợ, ruộng đồng và nếp sống cộng đồng. Nơi tinh thần tự cường, lòng nhân và đạo tâm cùng hòa vào công cuộc mở cõi.

Bởi vậy, góc nhìn của Pierre Poivre, dù còn mang những giới hạn và định kiến của một người Âu châu thời thuộc địa sơ kỳ, vẫn là một tấm gương phản chiếu quý giá. Qua tấm gương ấy, ta thấy Hà Tiên không chỉ là một địa danh trong sử Việt, mà còn là một hình ảnh từng gây ấn tượng mạnh đối với trí thức phương Tây: một vùng đất nhỏ bé nơi biển trời phương Nam, nhưng chứa đựng sức sống

lớn lao của con người, của thương mại, của nông nghiệp, của tự do và của văn hiến.

Hình ảnh Cư sĩ Mạc Cửu càng hiện lên rõ nét hơn: một người mở đất không chỉ bằng quyền lực, mà bằng lòng tin vào sức dân; không chỉ bằng thành lũy, mà bằng đạo lý; không chỉ bằng thương mại, mà bằng khả năng biến một vùng hoang vu thành quê hương.

Chính trong chiều sâu ấy, Hà Tiên thế kỷ XVIII xứng đáng được nhìn nhận như một *"vương quốc lý tưởng"* của Phật tử người Hoa nơi cõi An Nam - nơi lý tưởng khai hoang, tự do, thương mại, đạo đức và Phật tâm từng gặp nhau để làm nên một chương sử mềm mại mà rực rỡ nơi bờ Đông vịnh Xiêm.

Chẳng bao lâu sau, cõi bờ dưới sự trị lý của Cư sĩ Mạc Cửu đã trở thành một miền đất hứa, nơi những người dân cần lao khắp nơi đều khát khao tìm đến định cư.

Những bụi rậm hoang vu lần lượt được phát quang.

Đất đai mở lối cho hạt lúa nảy mầm. Hệ thống kênh rạch đan xen dẫn nguồn nước sông tưới mát ruộng đồng. Sau những vụ mùa bội thu, sản lượng lúa gạo không chỉ đủ nuôi sống trăm họ, mà còn dư dả để xuất khẩu với số lượng lớn.

Các cộng đồng lân cận kinh ngạc nhận ra rằng dải đất hoang lạnh năm xưa nay đã chuyển mình thành những cánh đồng màu mỡ. Vì sinh kế, họ lần lượt tìm về Ponthiamas. Theo lời mô tả của Pierre Poivre, vùng đất này đã vươn lên thành một kho lúa trù phú bậc nhất Đông Á. Ngay cả người Mã Lai, người Đàng Trong và người Xiêm La - vốn sinh sống trên những vùng đất phì nhiêu - cũng xem mảnh đất nhỏ bé này như một bến đỗ bình yên để tránh cảnh đói nghèo.

Trái ngược với những kẻ cầm quyền lân bang vốn dựa vào thể chế phong kiến để thực thi nền chuyên chế hà khắc, vị thủ lĩnh người Hoa của thương cảng Hà Tiên đã từ chối bước theo lối mòn của nhiều quân chủ Á châu đương thời.

Ông không dùng thủ đoạn tịch thu đất đai rồi ban phát nhỏ giọt để mị dân hay lừa dối những người đến khẩn hoang.

Hãy thử hình dung: nếu ông chọn xây dựng một cung điện vàng son thay vì an lòng trong một mái nhà mộc mạc; nếu ông say mê chốn triều đình lộng lẫy và những lời xu nịnh của kẻ tôi tớ; nếu ông chìm đắm trong hưởng lạc mà quay lưng với những ngành thực nghiệp; nếu ông khinh miệt những người nông phu cần cù, những con người với vầng trán đẫm mồ hôi, ngày ngày nhọc nhằn lao tác để nuôi sống bản thân và đồng bào; nếu ông xem quyến thuộc, bằng hữu

như nô lệ, dung túng cho người ngoại bang thao túng cảng biển thay vì trọng dụng người đồng hương - nếu quả thực như thế, dải đất của ông hẳn vẫn chỉ là một cõi hoang vu không bóng người.

Khi ấy, dẫu những cư dân khốn khổ kia có dốc cạn sức lực cày xới ruộng đồng, họ cũng khó lòng thoát khỏi cảnh đói khát.

Trái ngược với thói bóc lột của nhiều vương chủ đương thời, bậc lãnh đạo anh minh của Hà Tiên - mà sử liệu người Pháp dường như đôi lúc đã hòa lẫn công trạng giữa hai cha con họ Mạc, nhị vị Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích - luôn tâm niệm rằng: *"chỉ khi những người lao động dưới quyền mình trở nên sung túc, thì bản thân người trị lý mới có thể thực sự phồn thịnh."*

Dưới nhãn quan kinh bang tế thế ấy, chỉ riêng nguồn sản vật dồi dào do đất đai ban tặng đã đủ làm giàu cho bờ cõi. Chính vì vậy, họ Mạc chỉ áp dụng một khoản thuế hải quan rất nhẹ đối với các thương thuyền khi cập cảng giao thương.

Chính cốt cách chính trực, lòng ôn hòa và đức nhân ái của Cư sĩ Mạc Cửu đã giúp ông giành được sự kính trọng sâu sắc trong nhân gian. Ông không nuôi tham vọng thống trị, mà khao khát dựng lập một cõi bờ được soi đường bởi lý trí, lòng nhân và sự cần lao.

Giờ đây, người con trai nối nghiệp là Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã đĩnh đạc kế vị, thừa hưởng cả mỹ đức lẫn cơ nghiệp lớn lao của thân phụ. Bằng sách lược lấy nông nghiệp làm gốc, lấy thương mại làm mạch sống, lấy khoan dân làm nền trị lý, vị tân thủ lĩnh đã đưa bờ cõi ngày càng lớn mạnh, đến mức các cộng đồng lân bang đồng lòng suy tôn ông là "*Quốc vương Thương Cảng*."

Thế nhưng, đó lại là một tước hiệu vương giả mà ông không hề xem trọng. Ông không tự phụ về những đặc quyền chuyên chế của một bậc quân chủ, mà chỉ tự hào nắm giữ một quyền hạn cao quý hơn: quyền được hành thiện và cứu giúp con người.

Ông vui lòng trở thành người lao động tiên phong, người thương nhân đầu tiên tận tụy vì nền kinh tế của bờ cõi. Chính vì thế, trong nhãn quan đầy ngưỡng vọng của Pierre Poivre, cả ông và người cha vĩ đại của mình đều xứng đáng với một danh hiệu vinh quang hơn mọi ngai vàng, bệ ngọc: "*Người bạn của nhân loại.*"

Cốt cách ấy tương phản sâu sắc với những kẻ kiêu hùng chinh phạt bốn phương - những người có thể xoay chuyển càn khôn nhưng lại khiến vạn vật tiêu điều, chúng sinh than khóc. Họ mượn uy quyền của kẻ thắng thế để áp đặt những

hình pháp bạo tàn. Sự bạo ngược ấy sâu nặng đến mức, muôn năm về sau, dẫu cõi bờ đã thoát khỏi bóng tối của quân bạo chúa, vết thương trong lòng nhân gian vẫn có thể còn âm ỉ, lưu hận khôn nguôi.

Qua những dòng bút ký chan chứa niềm ngưỡng vọng ấy, có thể thấy rằng, dưới lăng kính của người lữ hành Pháp Pierre Poivre, Hà Tiên hiện lên tựa một chốn địa đàng dấu yêu nơi hạ giới.

Đó là một miền đất được hồi sinh từ hoang vu. Một thương cảng được dựng nên bằng tự do và cần lao. Một cộng đồng được vun bồi bằng lòng nhân, sự khoan hòa và niềm tin vào sức dân.

Trong mắt Poivre, Hà Tiên không chỉ là một điểm dừng chân trên hải lộ phương Đông. Đó là minh chứng sống động cho khả năng con người có thể biến đất hoang thành quê hương, biến lưu dân thành cộng đồng, biến thương mại thành phồn vinh, và biến quyền lực trị lý thành một phương tiện phụng sự con người.

Ở tầng sâu hơn, lời ngợi ca ấy cũng làm hiện rõ vẻ đẹp riêng của cơ nghiệp họ Mạc.

Mạc Cửu đã không dựng Hà Tiên bằng uy quyền lạnh lùng của một bạo chúa. Ông dựng Hà Tiên bằng lòng tin vào dân chúng. Bằng sự rộng mở với người tha phương. Bằng chính sách khuyến nông, khuyến thương. Bằng nếp sống mộc mạc của một cư sĩ Phật tử chính tín, chính kiến biết lấy đức làm gốc, lấy dân làm nền, lấy an cư làm đầu và lấy phồn thịnh chung làm mục tiêu trị lý.

Hà Tiên trong thế kỷ XVIII không chỉ là một thương cảng phồn hoa nơi bờ Đông vịnh Xiêm, mà còn là một miền quê hương mới của những con người lưu lạc. Nơi ấy, người Hoa, người Việt và các cộng đồng cư dân phương Nam cùng góp sức khai hoang, mở chợ, cày ruộng, đào kênh, dựng chùa, lập phố và xây nên một đời sống vừa cần lao, vừa thanh bình.

Trong mạch văn của Pierre Poivre, ta không chỉ bắt gặp sự tò mò của một người Âu châu trước vùng đất lạ, mà còn cảm nhận được sự ngưỡng mộ chân thành trước một mô hình trị lý khác thường: ít áp bức, ít sưu dịch, nhẹ thuế khóa, trọng thực nghiệp, yêu lao động và tin vào phẩm giá con người.

Đó cũng là lý do Hà Tiên có thể được hình dung như một "*vương quốc lý tưởng*" của Phật tử người Hoa nơi cõi An Nam. Một vương quốc không nhất thiết được định nghĩa bằng ngai vàng hay triều miếu. Mà bằng ruộng đồng xanh tốt. Bằng bến cảng đông vui. Bằng lòng dân quy tụ. Bằng tiếng chuông chùa bên núi biển. Bằng chính sách khoan hòa của người trị lý. Và bằng giấc mộng an cư của những con người đã vượt qua phong ba để tìm thấy một mái nhà mới nơi tận

cùng phương Nam đất Việt.

VII. Thế giới lý tưởng của Phật tử người Hoa - 華人佛子理想國

Hà Tiên: miền cộng cư, đạo pháp và lòng bao dung nơi cõi An Nam

Khởi nguồn từ một vùng đất quy tụ lưu dân tứ phương, Hà Tiên dưới sự trị lý của Cư sĩ Mạc Thiên Tích luôn xem việc giúp bách tính ổn định sinh kế, an cư lạc nghiệp là một trong những nền tảng của phép trị an. Đối với ông, một vùng đất muốn bền vững không chỉ cần thành lũy và binh lực, mà trước hết phải có lòng dân, có sinh kế, có tín ngưỡng và có một trật tự cộng cư đủ bao dung để dung nạp nhiều sắc dân khác nhau.

Nhằm tạo dựng một trung tâm quyền lực và phòng thủ vững chắc, Cư si Mạc Thiên Tích cho xây đắp một tòa phủ thành lớn theo hình chữ nhật, dài khoảng 500 mét và rộng 100 mét. Từ trung tâm ấy, những xóm làng trù phú dần hình thành và lan tỏa khắp bờ cõi, tạo nên một không gian sinh tồn hài hòa, nơi người Cao Miên, người Hoa, người Mã Lai, người Chăm cùng nhiều cộng đồng lưu dân khác có thể tìm thấy chốn dung thân, lập nghiệp và xây dựng cuộc sống lâu dài.

Hà Tiên vì thế không chỉ là một thương cảng. Đó còn là một miền cộng cư. Một vùng đất mở.

Một nơi con người từ nhiều phương trời khác nhau có thể gặp nhau trên cùng một bến nước, cùng khai hoang, lập chợ, dựng nhà, cày ruộng, buôn bán, lễ bái và từng bước biến đất khách thành quê hương.

Bên cạnh sự phồn thịnh về kinh tế, thành bang - Hải Cảng quốc Hà Tiên - còn mang một dấu ấn đặc sắc khác: tinh thần cởi mở và bao dung về tôn giáo. Dưới sự chở che và quản hạt của dòng họ Mạc, Phật giáo tại trấn Hà Tiên từng bước bước vào một thời kỳ hưng thịnh. Đương thời, các bậc tăng lữ đối với "*kinh điển pháp giới, giọng điệu tụng tán, đều nắm rất vững tôn chỉ của thiền môn, được người người khen ngợi hết lời.*"

Giữa vùng biên thùy phương Nam, tiếng chuông chùa không chỉ ngân lên như âm thanh của tín ngưỡng, mà còn là tiếng gọi an trú của lòng người. Với những lưu dân rời xa cố quận, chùa chiền là nơi nương tựa tinh thần. Với thương nhân hải hồ, đó là chốn gửi gắm niềm tin trước mỗi chuyến đi xa. Với những người khai hoang giữa đất mới, đạo Phật đem lại sự bình tâm, lòng từ bi và ý thức cộng đồng trong những tháng năm đầy bất trắc.

Đặc biệt, một vị Sứ giả Như Lai cao đức từ Quảng Châu đã theo bước Nam du đến vùng đất này, tiếp nối mạch truyền pháp của Thiền tông - chính pháp *"dĩ tâm truyền tâm"* tối thượng, vốn được truyền thừa liên tục qua các đời Tổ sư, từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại Ấn Độ cho đến các bậc Tổ sư ở Trung Hoa. Vị cao tăng ấy quyết định lưu trú nơi dải đất Hà Tiên, gieo mầm Bồ-đề và Bát-nhã giữa miền biên viễn mở cõi.

Từ đó, Hà Tiên không chỉ có phố chợ, ruộng đồng và bến cảng. Hà Tiên còn có đạo vị. Có thiền môn. Có kinh kệ. Có lòng tin của những con người tha phương đang tìm kiếm một đời sống an lành giữa biển trời phương Nam. Không chỉ dành sự hộ trì cho chốn Phật môn, Cư sĩ Mạc Thiên Tích còn thể hiện một thái độ cởi mở và bao dung đối với những đức tin tôn giáo khác. Chính sách ấy đã giúp Hồi giáo của cộng đồng người Chăm tìm được một chỗ đứng an hòa, góp thêm một sắc màu tâm linh vào bức tranh tín ngưỡng đa dạng của đất Hà Tiên.

Tiêu biểu cho tinh thần tự do tín ngưỡng ấy, vào năm Bính Thân, tức năm 1776, theo một số ghi chép, Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã thuận lòng cho phép Giám mục Bá Đa Lộc, tức Pierre Pigneau de Béhaine, thuộc Công giáo Rôma, được lưu trú tại bản trấn. Ông tạo điều kiện để vị giáo sĩ phương Tây hiện diện trong những vùng đất mới lập, qua đó cho thấy Hà Tiên dưới thời họ Mạc không khép mình trong một trật tự tín ngưỡng đơn nhất, mà biết dung chứa nhiều nguồn mạch tâm linh khác nhau.

Chính tinh thần khoan dung ấy làm nên vẻ đẹp đặc biệt của Hà Tiên.

Ở nơi ấy, Phật giáo giữ vai trò sâu lắng trong đời sống tinh thần của cộng đồng Hoa nhân và cư dân bản địa; Nho học góp phần dựng lễ nghĩa, học đường và văn phong; Đạo giáo hiện diện qua tín ngưỡng dân gian; Hồi giáo của người Chăm có chỗ đứng riêng; và Công giáo phương Tây cũng từng có cơ hội đặt chân vào không gian biên hải ấy.

Đó là một bức tranh tôn giáo đa thanh, mềm mại và hiếm có trong bối cảnh Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Trong thời kỳ trị lý của Cư sĩ Mạc Thiên Tích, tiếng vang của Hải Cảng quốc Hà Tiên đã vượt qua muôn trùng sóng gió hải hành, lưu truyền đến tận châu Âu và nhiều vùng đất viễn phương. Sức hút của một trung tâm thương mậu sầm uất mạnh mẽ đến mức các nhà hàng hải và giới viễn thương quốc tế đều trân trọng đánh dấu "*Vương quốc thương cảng*" này trên những bản đồ hải lộ của mình, xem Hà Tiên như một bến đỗ quan trọng trên hành trình giao thương phương Đông.

Nhưng điều làm nên sức hấp dẫn lâu dài của Hà Tiên không chỉ nằm ở vị trí địa lý hay sự phồn thịnh của thương mại.

Đó còn là phong thái của một vùng đất có hồn. Một thương cảng nhưng không chỉ biết mua bán. Một trấn thành nhưng không chỉ lo phòng thủ. Một cộng đồng lưu dân nhưng không đánh mất cội nguồn văn hóa. Một vùng biên viễn nhưng đã biết dựng chùa, lập học, mở thi đàn, trọng người hiền, nuôi dưỡng lễ nghĩa và giữ cho lòng người có nơi quay về.

Bởi vậy, Hà Tiên trong thế kỷ XVIII có thể được nhìn như một thế giới lý tưởng của Phật tử Hoa nhân nơi cõi An Nam. Thế giới ấy không phải là một vương quốc theo nghĩa đế chế hay quyền lực quân chủ tuyệt đối. Đó là một vương quốc tinh thần - nơi người xa xứ tìm thấy sự an thân, người thương nhân tìm thấy cơ hội, người nông phu tìm thấy ruộng đất, người sĩ phu tìm thấy văn chương, và người Phật tử tìm thấy chốn nương tựa tâm linh.

Khép lại một cuộc đời trải qua bao phen bão nổi, khi Cư sĩ Mạc Thiên Tích từ giã hồng trần, quy hướng cõi Phật, các thi sĩ đất Việt đã tìm đến chốn từ đường phụng thờ ông, dâng lên những câu đối thấm đẫm niềm tiếc thương và lòng kính trọng đối với một bậc tiền nhân có công với miền đất phương Nam.

Trân quý những di sản mà dòng họ Mạc để lại cho non sông, hậu thế đã trang trọng cải táng và quy tụ phần mộ Cư sĩ Mạc Thiên Tích cùng thân phụ Mạc Cửu và quyến thuộc về chung một vùng sơn lăng. Nơi đây ngày nay đã trở thành một không gian tưởng niệm linh thiêng, đón bước chân người đời từ muôn phương tìm về chiêm bái, viếng thăm và tưởng niệm.

Giữa núi rừng Hà Tiên, nơi gió biển vẫn thổi qua những triền đá cũ, lăng mộ họ Mạc không chỉ là dấu tích của một dòng họ khai trấn. Đó còn là biểu tượng của một thời mở cõi, một thời lưu dân dựng đất, một thời Phật tử Hoa nhân đem theo văn hóa, đạo tâm và chí hướng lập nghiệp để góp phần làm nên diện mạo phương Nam của đất Việt.

Hà Tiên vì thế không chỉ còn lại trong sử sách. Hà Tiên còn lại trong lòng người.

Trong ký ức về Cư sĩ Mạc Cửu - người mở đất. Trong hình ảnh Cư sĩ Mạc Thiên Tích - người dựng thế văn hiến. Trong Chiêu Anh Các. Trong Hà Tiên thập cảnh. Trong những mái chùa bên núi biển. Trong những bến nước từng đón thương thuyền bốn phương. Và trong câu chuyện cảm động về một miền đất nhỏ bé nhưng từng mang trong mình giấc mộng lớn: giấc mộng dựng nên một quê hương an hòa, phồn thịnh, bao dung và thấm đẫm Phật tâm nơi tận cùng phương Nam cõi An Nam.

VIII. Sắc phong Mạc Thiên Tứ năm 1822

Bảy đời Mạc thị và một thế kỷ gìn giữ cơ đồ Hà Tiên. Sắc ban cho Thần Tổng binh Đại Đô đốc Quốc lão Sùng Quận công Mạc Thiên Tứ, bậc công thần một lòng hộ quốc, an dân, từ lâu đã được sắc phong và phụng thờ.

Thần từng dốc lòng phụng sự Thế Tổ Cao Hoàng Đế của ta, chung vai sát cánh, trải qua muôn vàn gian khổ, góp sức vào đại cuộc thống nhất giang sơn, mở ra vận hội sáng tỏ, khiến ánh đức triều đình chiếu rọi khắp bờ cõi rộng lớn của đất nước cho đến ngày hôm nay.

Nay xét công lao phò vua, giúp nước và gánh vác đại nghiệp của Thần, Trẫm đặc ân gia phong danh hiệu cao quý: Khả gia phong Đạt Nghĩa Chi Thần.

Chuẩn theo lệ cũ, ban phép cho nhân dân xã Mỹ Đức, trấn Hà Tiên tiếp tục đời đời phụng thờ Thần. Nguyện anh linh đấng Đạt Nghĩa Chi Thần mãi mãi linh ứng, bảo hộ và chở che cho lê dân trăm họ. Nay ban Sắc phong.

Ngày 24 tháng 9, niên hiệu Minh Mệnh năm thứ ba, tức năm 1822. Hoàng đế Đại Nam Nguyễn Thánh Tổ.

Nhìn lại dòng chảy lịch sử phương Nam, nhà nghiên cứu Hoa kiều Đới Khả Lai - 戴可來 - đã dành những lời tán dương trân trọng đối với hệ thống chính sách chấn hưng văn hiến mà Cư sĩ Mạc Thiên Tích từng thực thi trên đất Hà Tiên.

Dưới góc nhìn của ông, những biện pháp văn giáo tiến bộ ấy đã khơi thông mạch nguồn văn hiến, đưa Hán văn hóa vượt khỏi những giới hạn địa lý quen thuộc để *“vươn tầm thế giới, đơm hoa kết trái giữa lòng đại dương”*, và kiêu hãnh *“trở thành khối báu văn minh nơi xứ người.”*

Qua đó, Hà Tiên dưới thời họ Mạc không chỉ hiện lên như một thương cảng phồn thịnh nơi miền biên viễn, mà còn trở thành một điểm hội tụ văn hóa đặc sắc, nơi tinh hoa học thuật, văn chương và tư tưởng phương Đông được tiếp nhận, nuôi dưỡng và tỏa sáng giữa không gian giao thoa rộng lớn của vùng biển phương Nam.

Bảy đời Mạc thị - một thế kỷ gìn giữ cơ đồ Hà Tiên

Trải hơn một thế kỷ phong ba, từ năm Mậu Tý 1708 đến buổi chuyển mình của lịch sử vào năm Nhâm Thìn 1832, bảy đời dòng họ Mạc đã nối tiếp nhau gánh vác trọng trách trị lý và bảo vệ miền biên viễn Hà Tiên.

Từ thuở Cư sĩ Mạc Cửu dâng biểu quy thuận chúa Nguyễn, chính thức đưa Hà Tiên hòa nhập vào cương vực phương Nam của Đại Việt, cho đến những thế hệ hậu duệ kế thừa cơ nghiệp tổ tiên, Mạc thị đã đem hết tâm lực, trí lược và lòng trung nghĩa để dựng xây một vùng đất từng hoang vu thành nơi đô hội phồn hoa, thương thuyền tụ hội, văn hiến rạng ngời.

Bảy đời nối nghiệp, một dạ trung trinh. Cha truyền chí lớn, con giữ cơ đồ. Khi biển lặng trời yên, họ chăm lo khẩn hoang, mở chợ, thông thương, dựng trường, hưng học, hộ trì Tam bảo, chiêu hiền đãi sĩ.

Lúc bờ cõi nổi cơn binh lửa, họ lại khoác chiến bào, dựng cờ tiết, lấy thân mình che chở lê dân, giữ vững miền cương thổ nơi tận cùng Tây Nam đất Việt.

Biết bao lần quân Xiêm tràn xuống, Chân Lạp biến động, nội cuộc Đàng Trong đổi thay, rồi phong trào Tây Sơn nổi dậy giữa cơn nghiêng ngửa của sơn hà, Hà Tiên vẫn đứng vững giữa trùng trùng sóng gió. Bởi từng tấc đất nơi đây đã thấm mồ hôi của người khai khẩn, máu lệ của người giữ cõi và khí tiết trung nghĩa của nhiều thế hệ Mạc gia.

Từ Cư sĩ Mạc Cửu khai trấn, Cư sĩ Mạc Thiên Tích chấn hưng văn trị, cho đến những lớp hậu duệ tiếp nối gìn giữ đất Hà Tiên dưới triều Nguyễn, mỗi thế hệ đều lưu lại một dấu son riêng trong lịch sử phương Nam.

Có người lấy văn đức mà an dân. Có người lấy võ công mà giữ cõi. Có người giữa cơn quốc biến phải lưu lạc đất khách. Có người đem cả sinh mệnh để bảo toàn lòng trung.

Nhưng xuyên suốt bảy đời ấy vẫn là một mạch nguồn chưa từng đoạn tuyệt: lấy trung nghĩa làm gia phong, lấy an dân làm đại nguyện, lấy giữ đất làm trọng trách và lấy phụng sự quốc gia làm lẽ sống.

Chính vì vậy, sắc phong Minh Mệnh năm thứ ba không chỉ là một văn bản ân điển của triều đình dành cho riêng một vị công thần họ Mạc. Đó còn là sự xác nhận trang trọng của quốc gia đối với công nghiệp khai mở, kiến thiết và gìn giữ Hà Tiên của cả một dòng họ đã gắn vận mệnh mình với vận mệnh phương Nam đất Việt.

Từ góc nhìn ấy, Mạc thị không chỉ là một gia tộc lưu dân người Hoa thành danh nơi đất khách.

Mạc thị đã trở thành một dòng họ khai trấn. Một dòng họ giữ cõi. Một dòng họ đem đạo nghĩa, văn hiến, thương mại, Phật tâm và lòng trung quân ái quốc hòa quyện vào tiến trình mở đất của dân tộc.

Họ đến Hà Tiên từ biển cả. Nhưng đã ở lại bằng máu thịt, bằng mồ hôi, bằng lòng dân và bằng nghĩa nước. Họ mang theo ký ức cố hương Trung Hoa. Nhưng đã góp phần dựng nên quê hương mới nơi cõi An Nam. Họ gìn giữ Hán phong, phát huy văn giáo, hộ trì Phật pháp. Nhưng đồng thời cũng khắc sâu tên tuổi mình vào lịch sử mở cõi phương Nam của đất nước Việt Nam.

Có lẽ cũng chính vì cảm khái trước công nghiệp và khí tiết ấy mà hậu thế, khi đứng trước miếu Mạc Công, đã mượn lời thi ca để khắc ghi một dòng thế hệ. Bài cổ thi đề nơi miếu tự không chỉ ngợi ca thanh danh của một người, mà như thu cả trăm năm hưng phế của Hà Tiên vào từng câu chữ. Đó là tiếng vọng của núi Bình San. Là dư âm của Đông Hồ, Thạch Động, Mũi Nai. Là bóng dáng những thương thuyền từng neo đậu trước bến cảng. Là hương khói nơi từ đường họ Mạc. Là tiếng chuông chùa ngân giữa miền biên hải. Và là lời nhắc nhở hậu thế rằng: có những vùng đất nhỏ bé trên bản đồ, nhưng từng gánh trên mình những sứ mệnh lớn lao của lịch sử.

Hà Tiên là một vùng đất như thế. Và họ Mạc là một dòng họ như thế.

Một dòng họ đã đi qua trăm năm phong ba để lại cho non sông không chỉ một thương cảng, một trấn thành, một vùng đất mở cõi, mà còn một di sản văn hiến thấm đẫm lòng người.

IX. Bài cổ thi nơi miếu Mạc Công và tiếng vọng trăm năm của Hà Tiên

Có lẽ cũng chính vì cảm khái trước công nghiệp và khí tiết ấy mà hậu thế, khi đứng trước miếu Mạc Công, đã mượn lời thi ca để khắc ghi một dòng thế hệ. Bài cổ thi đề nơi miếu tự không chỉ ngợi ca thanh danh của một người, mà như thu cả trăm năm hưng phế của Hà Tiên vào từng câu chữ:

"河仙國世系圖

雷州聲聞威風壯,

仙水初開德澤同□

忠義家聲重,

七葉藩翰國崇榮□

口碑載道勳勞大,

雲閣傳名譽深□

棚城棨戟英雄略,

文獻弦歌手者風□

河仙自古稱詩伯,

嘉定如今法將才□

忠幹未曝登天日,

義氣先傳越史書

開鎮元勳一境詡資護衛,

殺身大義百年朝野共哀榮!

越南 / 鄭公廟內題詩"

Phiên âm Hán Việt

"*Hà Tiên quốc thế hệ đồ*

Lôi Châu thanh văn uy phong tráng,

Tiên thủy sơ khai đức trạch đồng.

Trung nghĩa gia thanh trọng,

Thất diệp phiên hàn quốc sùng vinh.

Khẩu bi tải đạo huân lao đại,

Vân các truyền danh dự thâm.

Bằng thành khể kích anh hùng lược,

Văn hiến huyền ca thủ giả phong.

Hà Tiên tự cổ xưng thi bá,

Gia Định như kim pháp tướng tài.

Trung cán vị bộc đăng thiên nhật,

Nghĩa khí tiên truyền Việt sử thư.

Khai trấn nguyên huân, nhất cảnh hử tư hộ vệ,

Sát thân đại nghĩa, bách niên triều dã cộng ai vinh!"

Việt Nam / Mạc Công miếu nội đề thi.

Tạm dịch

"*Đồ thế hệ Hà Tiên quốc*

Lôi Châu thanh vọng dậy trời Nam,

Tiên thủy khai cơ đức trạch hàm.

Trung nghĩa gia thanh lưu hậu thế,

Bảy đời phiên trấn rạng giang san.

Bia miệng truyền công huân nghiệp lớn,

Gác mây lưu tiếng, dự danh vang.

Thành cao cờ tiết bày hùng lược,

Văn hiến cung đàn dậy nhã chương.

Hà Tiên tự cổ xưng Thi bá,

Gia Định đương kim xuất pháp tướng.

Trung cán chưa phơi cùng nhật nguyệt,

Nghĩa thanh đã sớm chép Nam phương.

Khai trấn nguyên huân, che một cõi,

Sát thân đại nghĩa, rạng cương thường.

Trăm năm triều dã đồng ai điếu,

Công đức Mạc gia vạn cổ hương."

- Cổ thi phỏng dịch từ bài thơ đề tại miếu Mạc Công, Việt Nam.

Mười sáu câu thơ, lời ít mà ý dài, tựa tiếng chuông Bồ-đề vọng qua lớp lớp thời gian. Từ thanh vọng cố quận Lôi Châu đến buổi khai cơ nơi Tiên thủy; từ gia phong trung nghĩa đến bảy đời giữ chức phiên hàn; từ võ lược dựng thành, cầm tiết đến văn trị mở hội, ngân đàn - tất cả đã phác họa nên một dòng họ mà vận mệnh gần như hòa làm một với vận mệnh Hà Tiên.

Đặc biệt, hai câu:

“Hà Tiên tự cổ xưng Thi bá,

Gia Định như kim pháp tướng tài”

như gợi lại một thời văn hiến rực rỡ nơi góc biển. Hà Tiên không chỉ có thành cao, hào sâu hay thương thuyền muôn nước, mà còn có Chiêu Anh Các, có những tao nhân mặc khách, có tiếng huyền ca và những áng thi chương từng vượt biển lưu truyền phương xa. Nơi miền biên viễn ấy, võ công và văn nghiệp đã cùng nhau soi sáng một thời đại.

Nhưng càng đi về cuối bài thơ, âm điệu càng trở nên trầm hùng:

“Trung cán vị bộc đăng thiên nhật,

Nghĩa khí tiên truyền Việt sử thư.”

Tấm lòng trung trực có lúc chưa kịp giãi bày cùng trời đất, nhưng nghĩa khí của người xưa đã sớm được lịch sử phương Nam khắc ghi. Bởi vậy, lời kết:

“Khai trấn nguyên huân, nhất cảnh hử tư hộ vệ,

Sát thân đại nghĩa, bách niên triều dã cộng ai vinh”

không còn đơn thuần là lời tán tụng, mà gần như một nén tâm hương của hậu thế dâng lên những bậc tiền nhân đã lấy cả cuộc đời mình để dựng đất và giữ đất.

Nói đến Hà Tiên mà không nhắc đến họ Mạc, khác nào nhắc dòng Giang Thành mà quên nguồn nước, nói núi Bình San mà chẳng nhớ bóng người khai trấn. Hơn một thế kỷ trị lý, bảy đời Mạc thị không chỉ dựng nên một chính quyền nơi biên thùy, mà còn vun bồi một không gian văn hóa rực rỡ, nơi người Việt, người Hoa, người Khmer, người Chăm và những đoàn viễn thương cùng tìm về hội tụ; nơi tiếng chuông thiền môn hòa cùng tiếng đàn thi xã; nơi văn hiến và thương nghiệp cùng nảy nở giữa sóng nước vịnh Xiêm La.

"*Bảy đời phiên hàn, một lòng hộ quốc;*

Trăm năm cơ nghiệp, muôn thuở lưu phương."

Dẫu thế cuộc đổi dời, thành quách từng phen hưng phế, người xưa nay đã khuất bóng, nhưng thanh danh trung nghĩa của Mạc gia vẫn còn vang vọng giữa núi Bình San, dòng Giang Thành và biển trời Hà Tiên. Công nghiệp ấy đã hòa vào non nước, trở thành một chương sử trầm hùng của hành trình mở cõi phương

Nam - nơi bảy thế hệ đã đem trí tuệ, tâm huyết và cả sinh mệnh để gìn giữ một cõi biên thùy cho non sông.

Bảy đời hiếu tử hiền tôn họ Mạc đã tuyệt đối trung thành với quê hương, đất nước; cống hiến trên nhiều phương diện từ khai khẩn, trị dân, mở chợ, thông thương, dựng trường, hưng học, hộ trì Phật pháp đến gìn giữ bờ cõi. Bởi vậy, nhân thế đời đời vẫn truyền tụng:

"*Hà Tiên đất Phật, người hiền -*

Xứ huyền ca văn hiến giữa trời Nam."

Đó không chỉ là lời ngợi ca một vùng đất. Đó là lời tri ân dành cho những con người đã biến nơi biên viễn thành quê hương, biến đất hoang thành thương cảng, biến chốn đầu sóng ngọn gió thành miền văn hiến, và biến cơ nghiệp của một dòng họ thành một phần máu thịt trong lịch sử mở cõi phương Nam của dân tộc Việt Nam.

Thế phả dòng Mạc họ cai trị xứ Hà Tiên:

Đời	Dòng họ Mạc - Người lãnh đạo	Ghi chú lịch sử
1	Cư sĩ Mạc Cửu (1708-1735)	Người khai phá và dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn Phúc Chu.
2	Cư sĩ Mạc Thiên Tích (1736-1780)	Con trưởng Mạc Cửu, đưa Hà Tiên phát triển tới đỉnh cao phồn vinh.
3	Cư sĩ Mạc Tử Sanh (1784-1788)	Cháu nội Mạc Cửu, được Nguyễn Ánh phong chức Lưu thủ Hà Tiên.
4	Cư sĩ Mạc Công Bính (1789-1792)	Giữ chức Chánh trưởng cơ trấn Hà Tiên
5	Cư sĩ Mạc Tử Thiêm (1800-1809)	Con trai Mạc Thiên Tứ, được phong làm Hiệp trấn Hà Tiên thời Gia Long.
6	Cư sĩ Mạc Công Du (1816-1829)	Cháu nội Mạc Thiên Tứ, giữ chức Hiệp trấn Hà Tiên
7	Cư sĩ Mạc Công Tài (1829-1832)	Người cuối cùng dòng họ Mạc giữ chức Quyền thủ Hiệp trấn Hà Tiên.

Tác giả: 老伊先生/Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: https://zhuanlan.zhihu.com

Ghi chú: *Bài viết được dịch lại từ nội dung của nhà nghiên cứu Hoa kiều Đới Khả Lai, cung cấp thêm một phần tư liệu, góc nhìn về quá trình hình thành, phát triển và đời sống tín ngưỡng của cư dân, đặc điểm lịch sử vùng đất Hà Tiên.*